

集文詩源尋

Tâm-Nguyên

THI VĂN TẬP

Truyền-bá tư-tưởng. Năng cao văn hóa

Gồm có các phần : Văn-Nghệ ; Khoa-Học ; Chính-Trị ;
Sử-Ký ; Pháp Luật dẫn giải ; Danh-từ Thường-thức
Danh Từ Tư Pháp ; Quân-Sự ; Phụ-trương Pháp-Văn v.v
(*Supplément en français*)

do các vị khoa mục tân cựu học biên soạn
Bộ Biên-tập : 13 Duy-Tân Hà-nội

MIỀN TẬP : ĐẠM-NGUYỄN VÀ MẠNH-HÀ

YÊU MỤC

VĂN - NGHỆ

Ảnh Cụ Tam-Nguyên

Thơ tặng T.N.T.C.

Bài thứ II

Thân thể văn thơ

Cao Bí-Quát

Diễn nôm bài trị mệnh

Định nghĩa Thi-Nhân

Đông-Tây cách ngén

Cử-Nhân Ng V. Bình

Tú-Tài. N. Q. Diễm

Vy-Kiều

Tú-Tài. Vũ-Huy-Chiều

Mạnh-Hà. Cử-Nhân Toán

Cử-Nhân Ngô-Lập-Chi

KHOA - HỌC

Khoa-Học với Văn-Chương

Lý thuyết Nguyễn-Tử

Mạnh-Hà. Cử-Nhân Toán

(tiếp theo kỳ trước)

PHU-TRƯỞNG BẰNG PHÁP-VĂN

(*Supplément en français*)

Napoléon et les savants de
Milan

Traduction de Đạm-Nguyễn

Vie littéraire de Tam-Nguyên

M^c Giáo Minh

Nguyễn-Khuyên

(xem tiếp trang sau)

Réponse de la Veuve
Les Thờ au Việt-Nam Nord,
Leurs mœurs et coutumes ;
Chants adressés aux époux
Thờ de Cao-Bằng et Lạng Sơn
Pensées d'Orient et d'Occident

M^{re} Giáo Minh

Biệt-Lam
Đạm-Nguyên

CHÍNH - TRỊ

Khảo luận về Chính-Trị

Chu-Hậu

SỬ - KÝ

Tiếng thơm muôn thừa

Cử-nhân Ngô-lập-Chí
(Văn-Khoa Đại Học)

Hịch các Tỳ-Tướng của
Trần-Hưng-Đạo

Chu-Hậu

Cá-tính, phong tục và tập-quần
Đồng-bào thiểu số

Thuần-Phong

DANH-TỪ THỰC-DỤNG

Giải nghĩa danh từ chữ Hán

Đạm-Nguyên

Danh-Từ Tư-Pháp

Đạm-Nguyên

Danh-Từ Quân-Sự

Thuần-Phong

VĂN NGHỆ (tiếp theo)

Tiểu-Sử và văn-thơ

Cụ Tam-Nguyên Yên-Đồ

Vỵ Kiều

Các thể thơ : Đường-Luật.

Đạm-Nguyên

Lục-bát, Song-thất lục-bát.

Tứ-tuyệt liên-hoàn v. v. . .

Đạm-Nguyên

Y-HOC THUỜNG-THỨC

Bệnh truyền nhiễm : và

Phương pháp đề-phòng

Thanh-Khiết

GIẢI-ĐÁP PHÁP-LUẬT

Việc diên thờ

Bản chứng chỉ thay giấy giá thú

Thanh Khiết

MỤC ĐÍCH CỦA TÂM-NGUYÊN THI-VĂN-TẬP

TÂM-NGUYÊN THI-VĂN-TẬP lấy sự truyền bá tư tưởng, nâng cao văn hóa làm mục đích. Biên soạn hoặc trích dịch những bài bằng Quốc-văn, Hán-văn, Pháp-văn.v.v. . .

Các bạn xa gần, muốn tán thành mục đích trên, hoặc giúp về sự cõ động, hoặc giúp về đường ngôn luận, Bản-Báo trân trọng cảm ơn, và kính tặng số thù lao.

Thư và ngân phiếu, xin đề tên ô. Nguyễn-Đức-Đạm thầu nhận.

Giá mỗi tập : 20 đồng

TÂM-NGUYÊN THI-VĂN-TẬP

Mua nhiều sẽ tính giá riêng.

13, Duy-Tân - Hanoi



*Di ảnh Cụ TAM-NGUYỄN YÊN-ĐỒ
(Trong khi sung Sứ Quán Toàn-Tu tại Triều-Đình Huế)*

(Xin coi “ Thân Thế và Văn Thơ ” của Cụ
ở trang Văn Nghệ, số)

Thơ tặng Tâm - Nguyễn Táp - Chí

Bản Chí tiếp được những bài thơ sau đây, của các bạn gần xa gửi tặng, xin lần lượt lục đăng, và xin thành thực cảm ơn các bạn.

I

*Giáp - Ngọ đầu năm mới khởi nguyên,
Mình xem bút-pháp báo Tâm - Nguyên.
Bao trang luận thuyết đầy căn cứ ;
Mỗi áng văn - chương một bản nguyên,
Vận nước mong phù công nhất thống ;
Nếp nhà thêm rạng dấu Tam-Nguyên.
Ngày ngày văn phạm mong tinh tiến ;
Ròng nhánh muốn ngàn, đời phát nguyên.*

Cử-nhân NGUYỄN-VĂN-BÌNH



II

*Đem cuốn thi văn dỏ trước đèn,
Này tài ông Lý, chữ ông Thuyên !
Lấy câu phong nhã, pha lời tục ;
Ngụ ý xuân thu, dựng bút tiên !
Theo rồi qui-mô, nhà Bác - Cổ ;
Rõ ràng tôn chỉ, báo Tâm - Nguyên.
Non Nùng, sông Nhị còn đầy mãi,
Văn ấy nghìn thu ắt rồi truyền !*

Tú-ài NGUYỄN-ĐIỀM

Cao-Bá-Quát

“ Một danh-nhân đất Việt ”



Cao-Bá-Quát, Biệt hiệu là Chu-Thần, anh em song sinh với Cao-Bá-Đạt người làng Phú-Thị, thuộc tỉnh Bắc-Ninh. Xuất thân trong nền Khanh-Tướng, ông sẵn tư-chất thông minh ngay từ thuở nhỏ, học đâu nhớ đấy, chữ tốt, văn hay, ai ai cũng đều mến phục. Một nhà văn họa, anh em nhà ông, đều là những bậc có kỹ tài, ít người sánh kịp, nên lúc thiếu thời, tiếng tăm đã lừng lẫy trong tỉnh, khiến các bạn học đồng thời, đều phải phục tài. Cao-Bá-Quát lại có biệt tài về thơ và câu-đối. Thơ và câu đối của ông, đến nay hãy còn truyền tụng.

Anh em nhà ông đều là những tay bay chữ, hay quá đến nỗi, có người đã thuật truyện rằng : Cao-Bá-Quát đã nói : « trong nước có ba bờ chữ thì anh em nhà ông đã chiếm được hai bờ, còn lại một bờ để phần cho mọi

người ». Câu đó không chắc có phải ông Quát đã nói hay không, Hay chỉ là câu truyện đùa của một vị nào, đã khéo bày ra, để tỏ rõ sự hay chữ của anh em nhà ông đó thôi.

Ông cùng ông Cao-Bá-Đạt đều đậu Cử-Nhân khoa Giáp-Ngo, (1834). Nhưng khi vào Kinh thi Hội, ông không được trúng cách, chỉ vì cái lối hành-văn khác người của ông. Văn hay, chữ tốt, mà thi lại hỏng. Nhưng, đỗ hay không, ông cũng chẳng để tâm, vì ông cho rằng : Thi cử chẳng qua là cái thước đo người mà thôi. Văn-tài của ông thì ai đo được, mà ông cũng chẳng muốn để ai đo.

Từ đó, ông sinh chán-ghét sự thi-cử, dọc ngang hồ hải, nay đó mai đây, đem văn-chương đùa cợt với người đời. Ông viết ra nhiều bài hát rất hay, đại để như bài sau đây :

Việc đời chìm nổi

*Thế-sự thăng trầm quân mạc vấn ;
Yên ba thân xứ hữu ngư châu. (1)
Vắt tay nằm nghĩ chuyện đầu đầu,
Đem mộng-sự đọ với chân-thân thời cũng hết.
Duy giang-thượng chi thanh-phong, dữ sơn-gian chi
[minh-nguyệt ; (2)
Kho giới chung, mà vô lặn của mình riêng.
Cuộc vương tròn phó mặc khuôn-thiên,
Kẻ thanh-thị, kẻ vui miền lâm-lâu (3)
Gõ gập lầy, đọc câu «Tương tiến tửu (4)
Quán bất kiến Hoàng-Hà chi thủy thiên-thượng lai,
Làm chi cho mệt một đời ! (5)*

Chú-thích. — Hai câu chữ Hán ở đầu nghĩa là: Việc đời khi chìm khi nổi, các ông còn hỏi đến mà chi, trong chỗ khói mây, sóng gió mịt mù kia, thấy có chiếc thuyền đánh cá. Ngụ ý nói, hãy nên gác bỏ việc đời, mà tiêu-dao ở nơi sương khói mịt mù với chiếc thuyền đánh cá.

là thích mà thôi.

3) Lâm-lâu là rừng và nội cỏ ;

4) Tương tiến-tửu: đầu-đề bài Nhạc-Phủ của Lý-Thái-Bạch ;

5) câu này nghĩa là: Các ông chả từng thấy nước sông Hoàng-Hà, từ trên ngàn đổ xuống đó ư ?

Ý nói, cuộc đời chơi như nước chảy không bao giờ trở lại nữa.

Như vậy cần chi mà lao-lao,碌-碌, vật lộn với đời.

Câu chữ Hán thứ 2. — câu này trích ở bài phú xích-Bích của Tô-Đông-Pha nghĩa là: Chỉ có gió mát ở trên sông, và giăng trong ở khoảng núi

Trong triều vua Thiệu-Trị, (năm 1841) Quan Tỉnh Bắc-Ninh thấy ông là người có tài, mà chưa đặc dụng, liền sớ tấu về Kinh, xin Triều-Đình lục dụng. Ông liền được triệu về Kinh giữ chức Hành-Tầu bộ Lễ trong khi đó, anh ông là Cao-Bá-Đạt, đã giữ chức Tri-huyện Nông-Cống (Thanh-Hóa). Khi làm việc ở Bộ-Lễ, ông Quát nổi tiếng là bậc văn tài xuất chúng, khiến các bạn đồng-sự đều phải khâm phục. Mọi người thường nói : « Thần Siêu, thánh Quát » và quý mến ông như Thánh sống.

Vua Dục-Tôn là một ông Vua hay chữ, cũng phải phục tài, và khen ngợi ông trong hai câu thơ sau:

« *Văn như Siêu Quát, vô
Tiền Hán ;*

« *Thi đáo Tùng Tuy, thất
Thịnh Đường* ».

Nghĩa là : Đời nhà Tiền-Hán, cũng không có văn nào hay hơn ông Siêu, ông Quát ; Thơ hay như thơ của Tùng-Thiện-Vương, và Tuý-Lý-Vương, có thể át cả thơ hay trong đời Thịnh-Đường.

Khi ở Kinh, ông Cao-Bá-Quát, thấy trong điện Cấn-Chánh có câu đối sau :

« *Tử năng thừa phụ nghiệp ;
Thần khả báo quân ân* »

Nghĩa là : Con hay nối nghiệp cha ; Tôi khá đền ơn chúa ; Thấy chữ con ở trên chữ cha, chữ tôi ở trên chữ chúa « Ông liền bỡn cợt nói : » Hảo hề, hảo hề, phụ tử quân thần diên-đảo « nghĩa là : Hay chẳng là hay, cha con, vua tôi đảo ngược ». Ông liền chữa rằng :

« *Quân ân, thần khả báo ;
Phụ nghiệp, tử năng thừa* ».

nghĩa là : Ôn vua, bầy tôi phải trả, nghiệp cha, con phải nối.

Vua Dục-Tôn và các Quan trong Triều, thấy ông chỉ đổi chữ dưới lên trên, không hề thêm bớt chữ nào, mà thành chỉnh hơn, nên đều khen ngợi.

Lại một hôm, khi qua Thi-Xã, là nơi tập hợp của các danh-nhân và các vị Khoa-Bảng, để viết văn, làm sách. Ở đó, biết bao văn hay, chữ tốt, thế mà ông chỉ xem qua, rồi đọc ngay :

« *Ngán thay cái mũi vô duyên,
Câu văn Thi-xã, con thuyền
Nghệ-An !*

Ngụ ý, ông nói: Câu văn trong Thi-xã không được hay, và có mùi khó ngửi như mùi nước mắm của chiếc thuyền mảnh ở nghệ-An.

Ông Quát là bậc đại-tài, khắp chốn Triều-Đình, Châu Quận, ít người sánh kịp Song, tính tình cương trực, chỉ khí hiên ngang, đã không chịu khuất, lại thường hay châm biếm những người nịnh-thần, mà làm thơ rêu cọt, khiến một nhóm người không ưa, hết sức gièm pha, nên trong mấy năm làm quan, ông bị nhiều lần giáng chức.

Và trong khi ông phải giáng xuống làm Giáo-Thụ Quảng-Oai, ông đem lòng oán giận Triều-Đình và Nhà Vua, không biết dùng người, để bọn nịnh-thần chuyên cầm quyền chính. Rồi, từ chỗ phần uất, đến chỗ chống lại Triều-Đình, cũng chẳng cách xa. Ông tự nghĩ:

Đời đã thế, thì ta cần chi? Được làm vua, thua làm giặc đã sao? ông liền chiêu mộ binh-sỹ, chống lại Triều-Đình.

Tháng 8, niên hiệu Tự-Đức thứ bảy, (1854) Viên Hộ-Đốc tỉnh Bắc-Ninh hay tin ông khởi quân, liền phi báo về Triều-Đình. Tháng 10 năm ấy, sau một trận giao chiến, ông Quát bị bắt sống, đưa về Hanoi, rồi, bị xử tử tại nguyên-quán (làng Paú-Thị,) trăm quyết cùng với họ hàng. Sau, ông Siêu có câu đối viếng ông như sau :

Tối lân tài, quán cổ tại danh, nan đề cánh nan huỳnh, bất thể ngẫu sinh hoàn ngẫu tử ;

Khả tích giả, đảo đầu sự thế, thử nhân nhi thử ngộ, hỗn trần lưu xú diệc lưu phương.

Xin tạm diễn nghĩa như sau :

Đáng thương thay, tài danh một bậc xưa nay, cùng sinh cùng đổ, anh em ai rẽ kém ai. Sống, chết mộng đời, chung một giấc ;

Khá tiếc nhĩ, sự thế trăm năm hay dở, rằng rủi rằng may, Tai mắt thế mà đến thế, chê, khen miệng thế, đủ đời đường.

Vy-Kiều sao lục

Dịch bài tri-mạnh

của Cụ Tam-Nguyên Yên-Đồ

(Cụ - Tam chỉ viết một bài bằng chữ Hán, sau có nhiều bậc ái văn đem diễn nôm, nay xin lần lượt lục đăng)

NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN

DIỄN NÔM

Ngã niên cập bát bát
Ngã số phùng kử kử
Ta tai ngã đức lương,
Thọ kỷ mai tiên khảo.
Ta tai ngã học thiền,
Khởi nhiên chiếm long thủ,
Khởi phi tiên Khảo linh.
Lưu dĩ tích nhĩ phụ,
Khởi phi tiên khảo danh.
Bất tổ dĩ di hậu,
Bình nhật vô thốn công,
Phủ ngưỡng dĩ tạm phụ,
Tử hạnh đắc toàn qui.
Táng hạnh đắc thân phụ.
Túc hĩ phục hà cầu,
Tử táng vật yêm cử.
Quan khâm bất khả mỹ
Chỉ dĩ liệm thủ túc.
Cụ soạn bất khả phong,
Chỉ dĩ đáp bốn tầu,
Bất khả tả chúc văn,
Bất khả vi đối cú.
Bất khả thiết mình tinh.
Bất khả đề thần chủ.
Bất khả đạt môn sinh,
Bất khả phó liêu hữu,

Tuổi tám-tám vừa tới.
Số kử - kử trùng phùng.
Than ôi ! đức thầy mỏng.
Mà thọ hơn Tiên - công !
Than ôi ! học thầy kém,
Mà đồ đầu bằng rỗng !
Chả phải đức Tiên-khảo ?
Đề cho thầy đấy không ?
Chả phải tiếng Tiên-khảo ?
Đề cho thầy làm xong ?
công lao chưa một tấc,
Ngửa cúi luống thẹn thùng.
Nay về được toàn vẹn.
Táng gần mộ tổ - tông.
Đủ rồi, cầu chi nữa.
Ma chay chớ dài-dòng.
Khâm liệm không hoa - mỹ.
Đủ gói ghém là cùng.
Cô bàn không bày vẽ.
Đủ đãi người họ lòng.
Văn - tế không nên viết.
Cầu đối không nên dùng.
Không mình-tinh ngất ngưỡng.
Không đề chủ viển - vông.
Môn - sinh không đạt giấy.
Liệu - hữu không báo chung,

Tân bằng bất khả chiêu.
Phúng diếu bất khả thụ,
Thử giai luy ư sinh,
Tử giả diệc ô hữu,
Chỉ dĩ trọng ngô quá.
Trương lai cánh đa khâu,
Duy ư táng chi nhật.
Kỳ biên dẫn tiền đạo.
Ca công bát kử nhân,
Suy tống liệt tả hữn.
Thảo thảo táng ngã hoàn,
Chước ngã dĩ dầu tửu.
Sở đắc tân sắc bằng,
Phong hoàn nạp Sứy phủ.
Viên đề mộ thạch bi,
Hoàng Nguyễn mộ hưu tâu.

*Phúng viếng không được nhận.
Bè bạn không mời đông,
Chỉ luy cho kẻ sống,
Người chết, đâu : còn mong !
Chẳng những thầy mang tiếng.
Chỉ, nghị thêm bạn lòng.
Chỉ riêng ngàg cất đám.
Cờ biên đi trước vong !
Đôi bên dàn kèn trống.
Bầy tám người nhạc - công !
Thành phần xong đâu đấy,
Khẩn thầy chén rượu nồng !
Còn bằng-sắc mới được,
Nộp Sứy-phủ nguyên - phong !
Đề bia dựng trước mộ,
Hoàng - Nguyễn mộ hưu - ông !*

Tú-tài VŨ-HUY-CHIEU
Diễn-nôm



Định nghĩa thi nhân

Mạnh-Hà

Là thi nhân đâu phải ru với gió.
Mơ theo trăng, và vơ vẩn cùng mây
Mắt mờ đi trong men loạn cuồng say
Chân liu bước, theo tâm hồn phiêu đảng.

. . .

Là thi nhân phải là người hùng tráng
Đem lời thơ thông cảm với nhân dân.
Chỉ có « ru » trong nghĩa sống hợp quần
Gọi người trai một đi vì phận sự.
Chỉ có « mơ » ngày về trong lịch-sử
Của dòng thơ Hưng-Đạo với Quang-Trung.
Chỉ có « say » dòng máu giống Tiên Rồng.
Men chiến thắng nở giữa mùa dân tộc.

. . .

Là thi nhân đâu phải sầu trong mộng
Đem lời thơ than thở với tình yêu
Ngã nghiêng « say » tóc lướt; dáng yêu Kiều
Quên làng cả..., ước mơ cùng người đẹp.

. . .

Là thi nhân phải xây trên sự nghiệp
Một bản năng thuần túy của chàng trai
Dâng hồn thơ cho xã hội ngày mai.
Hòa Hạnh phúc sống trong hồn đất nước.
Nếu có « sầu » xin sầu ngày vong quốc
Hận đau thương tủi nhục đến ông cha,
Nếu có « yêu » hãy yêu khúc hoàn ca.
Còn vắng vắng sông Đằng Giang sông Nhị.

. . .

Hỡi những ai đã mang danh thi Sĩ.
Hãy tìm đi ! trong khúc nhạc bình minh
Gửi lời thơ ! trong ánh sáng hòa bình.
Múa bút thép đậm tô hồn đất nước.
Dâng dòng thơ trong tình yêu tổ quốc.
Gửi thi ca trong tiếng vọng non sông.
Đừng đau thương buồn tủi với « tình lòng ».
Đừng mãi mê trong nhạc cuồng thế tục.

. . .

Thi nhân nhĩ ! chỉ đây là hạnh phúc,
là con đường chiến thắng của đấu tranh.
Là tự do độc-lập, với hòa bình.
Là một ngày khi muôn dân no ấm
Là cờ vàng hãnh bay trong trời sấm.
Là ngày về với lịch sử vinh-quang.

Bóng ai in dưới nắng vàng
Rung rinh khi ánh xuyên ngang xế chiều.
Ai nhìn ngọn gió dịu hiu
Động hồn Thi Sĩ nhìn chiều khẽ ngâm.
Ta xứng đáng « hề » trai Hồng Lạc.
Ta noi gương « hề » gái Trưng Vương.

Thủ-đô, trưa hè chính chiến

Đông Tây Cách-Ngôn

Ngã quý nhi nhân phụng
chi, thực phi phụng ngã,
phụng thứ nga-quan đại dới
đã; Ngã tiện nhi nhân vũ chi,
thực phi vũ ngã, vũ thử bố y
thảo lý đã. Ngã hồ vi hĩ,
ngã hồ vi nộ.

Hồng-Tú-Thanh

DỊCH NGHĨA

Ta giàu sang mà người thù
phụng ta, thực có phải là họ
thù phụng ta đâu, chẳng qua
họ chỉ thù phụng cái mũ cao,
áo chùng đó mà thôi. Ta nghèo
hèn mà người khinh rẻ ta,
thực không phải họ khinh rẻ
ta đâu, chẳng qua họ chỉ
khinh rẻ cái áo vải, dép cỏ
đó mà thôi. Thế thì ta cần
gì mà thích những kẻ thù
phụng ta. Ta hơi đâu mà
giận những kẻ khinh rẻ ta.

Giải nghĩa thêm: Câu cách
ngôn này khuyên người phải
tự-trọng, và tổ tính cách cao
thượng. Khi phú quý đừng
kiêu căng, khi bần tiện vẫn
cao thượng.



Phàm tác sự, tương thành
công thời, kỳ khổn nạn tối
thậm.

Nốt-Nhĩ Tôn

DỊCH NGHĨA

Phàm làm việc gì, khi tới lúc
sắp thành công, thì thường gặp
những sự khó khăn ngăn trở
rất lớn.

Giải nghĩa thêm: phần nhiều
những việc trên đời, khi làm
gần đến lúc thành công;
thường hay vấp phải những
trở lực rất to. Nếu khi gặp
cảnh khó khăn, mà nản chí
ngay, thì không đi đến kết
quả mỹ mãn. Ta nên nhận
biết rằng: những bước vấp
ấy, chính là lúc sắp tới mục
đích của mình. Câu cách ngôn
này, có ý khuyên người ta
lập chí cho bền, đừng thấy
khó mà chán nản...

Cử-Nhân Ngô-Lập-Chi

trích dịch.



Décider n'est rien ; ce que
importe, c'est que les déci-
sions soient exécutées. Pour
venir à bout des choses, li,

1er par est de les croire possibles.

Louis XIV

Dự-định chưa đáng kể, điều cốt yếu là sự dự-định đó phải được thi hành. Muốn làm việc gì cho có kết quả, bước đầu tiên là phải tin chắc ở mình có thể làm được.



On ne fait bien que ce que l'on fait avec passion. Celui qui travaille simplement pour gagner de l'argent et qui n'a pas la passion de son métier ne sera jamais un homme de valeur.

Một khi người ta ưa thích làm việc gì, thì làm mới đắc lực. Còn người nào làm việc

gì chỉ vì để kiếm tiền, thì không phải là người có giá-trị.

L'heure n'est plus au discours, mais à l'action.

Chúng ta không thể căn cứ ở lời nói, mà ở việc làm.

C'est des premiers pas que dépend la carrière.

Làm việc gì, cũng cốt ở bước đầu.

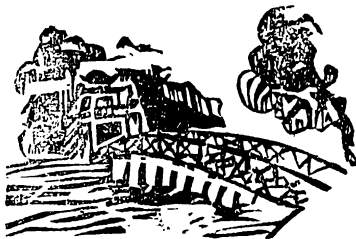
Fréquemment en contact avec les gens, on verra noir et blanc.

Có ở lâu mấy nhau, mới hiểu rõ lòng nhau.

Dis moi qui tu hantes, je te dirais qui tu es.

Anh hãy nói cho tôi biết anh thường thân cận với ai rồi tôi sẽ nói cho anh biết anh là người thế nào.

Thuân-Phong dịch.



Khoa - học với Văn - chương

Quan niệm sai lầm của một số đông là khoa học và văn chương đối lập nhau; Quan niệm truyền thống ấy hình như đã xâm nhập đến tủy não của một số người để cho họ yên chí là thế! Thậm chí những người học khoa học mà không biết đến một nét văn học của nước nhà, không hiểu một bước đi của lịch-sử. Để che lấp chỗ khiếm khuyết ấy, họ chỉ trả lời một câu rất gọn: «Tôi học khoa học cơ mà!» Rồi đến những con người có thể gọi là nằm trong lĩnh vực của văn chương; mới một vài câu thơ « mơ mộng » hay « yếm thế » của mấy thi nhân động lòng trong cảm hứng. hay cái rót của lãng mạn từ mấy chục năm nay rơi lại, họ đã cho là thỏa mãn với nổi lòng, họ đã vội cảm thông với thời thế, rồi buông tâm hồn trong văn thơ ảo lả, mà mải theo một nụ cười đắc thắng hay tự mãn?

Cái quan niệm sai lầm ấy phải chăng là truyền thống? hay thiếu bản năng của lễ sống? thiếu lập trường trong công việc.

Nếu là sự truyền thống ta nên bỏ nó đi, vì đó là một vấn đề rất hại, cho sự tiến biểu lễ sống của con người, chân lý của khoa học, sự mạng của người trai. Nếu là thiếu bản năng hay lập trường lại càng nguy hiểm nữa; vì sự thiếu bản năng đã làm cho bước sống của con người mất thế cân bằng, đấu tranh không lý tưởng, rồi dần dần trở về ích kỷ mà đi đến yếm thế vong thân.

Trở lại lịch trình của khoa học: ta đã thấy ngay từ thời bán sơ khai của con người đi từ sự đếm con số 1 đến con số 9, bước qua bao giai đoạn lập luận của triết học mà chuyển vào phần phân tích tổng hợp đã đề ra ý niệm con số vô cùng nhỏ và vô cùng lớn.

Lập luận của gallilée : « Quả đất thì tròn » đã đưa ta tới sự thành công của khoa thiên văn học. Ngay đầu thế kỷ thứ 17 do sự cảm thông của quần chúng, sự đun nôi nước sôi dậy kín mà Denis Papin đã đem lại cái kết quả của máy hơi nước.

Lược giải như vậy chắc chúng ta đã vội kết luận thì có gì liên can đến Văn học.

Liên can lắm các bạn ạ ! nếu ta đi sâu vào nó tìm hiểu nó hơn, đi từ nguyên nhân đến kết quả ta sẽ thấy sự liên hệ quan trọng của cái lẽ sống khoa học và văn học. « Sống » đây tôi không muốn nói là sống bằng cách ăn uống đi đứng mà « sống » có nghĩa thuần túy của nó, tức là cái ý nghĩa xây dựng phục vụ cho quần chúng và nhân loại.

Đành rằng khoa toán học là con đẻ của suy diễn và trực giác, khoa học thực nghiệm là do ý niệm của thí nghiệm kiểm chứng mà tìm ra. Nhưng trước khi suy diễn, hay thí nghiệm ít nhất các nhà thông thái đã phải lập luận, rồi do bao nhiêu lần thay đổi biến cố vật chất mới tìm ra được định luật, nhưng

thường thường là do sự cảm hóa lớp quần chúng lay sự quan sát thiên nhiên mà tới lập luận. Đã bao nhiêu thời kỳ, chuyển qua bao giai đoạn, những kinh nghiệm thông thường của nhà nông :

Mồng ba tha la lười liềm,

Mồng bốn câu liềm.

Mồng năm liềm giật,

Mồng sáu thật trướng.

.

đã đẻ ra khoa thiên văn của người Trung quốc mà dẫn đến phép tính âm lịch lấy ngày 15 trong tháng là ngày mặt trăng đủ.

Nhưng khoa học tìm ra để làm gì ?

Nói rằng phục vụ nhân loại, thì đã biết đã quay bánh xe của lịch sử chưa mà phục vụ.

Nói rằng phụng sự nhân sinh thì đã cảm thông với quần chúng chưa mà phụng sự.

Nếu ta không hiểu được cái lẽ của phục vụ, cái đích của phụng sự. Phục vụ hay phụng sự ấy nó sẽ đi đến giết nhân loại, mà đưa nhân loại đến chỗ đau thương trên miệng hố của tử thần.

Lời của một triết gia Đông phương đã nói trong cách tìm lẽ sống của con người. Ông nhấn mạnh: « khoa học mà đem phụng sự nhân loại là vấn đề khó, nếu khoa học mà đem chém giết loài người là vấn đề rất có thể xảy ra được, nếu một khi ta trưởng thành trên khoa học ». Lời nói ấy tuy đơn sơ, nhưng nó đã bao hàm cái lẽ sống của con người hòa trong sức sống của người dân, nó đã đem lại cái ý niệm cảm thông giữa lớp quần chúng, mà sự cảm thông nhau phải là do lịch trình của văn học.

Trở lại văn chương bình dân, những câu ca dao mộc mạc và chất phác, nó đã phác họa được cái khung cảnh của đời sống nhân dân, nó đã bộc lộ nỗi mong muốn của đám dân cày, nó đã đưa những người khoa học một tia sáng trên con đường phục vụ, mà chính nó vén cho khoa học một bức màn tối bằng kinh nghiệm.

Nếu bảo rằng đem khoa học mà cảm hóa dân, thì những phương trình, những

ký hiệu, đối với họ trong bước đầu tiên đã là vô dụng. Cái lợi khi thông cảm sắc bén không có gì hơn hết là nghệ thuật, văn chương. Rồi từ đấy cái lẽ sống của khoa học mới bước vào con đường « thực » của nó.

Thế thì tiêu chuẩn của con người khoa học là :

Đem văn nghệ mà cảm thông dân.

Đem khoa học mà phục vụ dân.

Rồi học những kinh nghiệm của dân mà bồi bổ cho khoa học.

Nếu ta không có một quan niệm rõ rệt về học tập một lập trường đứng đắn của lẽ sống, thì chỉ mới mấy công thức toán, vài định luật căn bản mà tự phụ rằng: « con người khoa học »

Tôi e rằng: cái khoa học ấy chỉ có mục đích người thợ kiếm cơm, nhai lại cái ý thức của cổ truyền sao gọi là phụng sự cho khoa học

Nếu chúng ta muốn hiểu thế nào là khoa học, là lẽ sống của nó, thì đầu tiên chúng ta phải có 1 tiêu chuẩn

một đường đi để xây dựng lập trường mà phụng sự. Rồi trong bước phụng sự ấy, ta sẽ đem nghệ thuật mà cảm hóa dân, đem những lời ca chân thật, mà tìm hiểu đời sống của nông thôn. Và từ đây trong kinh nghiệm bao năm trường của những người nông dân chất phác, nó sẽ phác họa cho ta một ý niệm của sự tìm tòi trong ánh sáng khoa học. Vì lẽ ấy sự liên hệ giữa khoa học và văn chương sẽ vô cùng quan trọng trong sự khám phá cái chân lý thiên nhiên, và cũng vì lẽ ấy toán học và khoa học thực nghiệm là khoa học thiên nhiên, mà văn chương được mệnh danh là khoa học xã hội.

Để kết luận tôi tạm mượn lời của giáo sư Phạm-việt-Tuyền viết trong trang 8

quyển Nghị Luận văn chương :

« Xưa nay có nhiều người nhất là những người không hiểu khoa học, mà cũng không yêu văn chương lắm — thường đem đối lập khoa học với văn chương. Thực ra thì văn học là một khoa học vì nó cũng có đối tượng, phương pháp, và định luật như những khoa học khác.

Đối tượng là văn thơ ; phương pháp là thu tập tài liệu, phân tích, giải thích, rồi tổng hợp phê bình và kết luận, để khám phá ra các tài liệu thực tế, và cũng dựa vào kinh nghiệm thí nghiệm, đồng thời lại giống các khoa học tiểu tác ở chỗ đi tìm tòi khám phá các định luật chi phối việc nói, viết, cảm nghĩ và sống của cá nhân và cùng như đoàn thể. »



Lý-thuyết Nguyên-tử

(Tiếp theo kỳ trước)

4) Sự chuyển vận trong Nguyên - Tử. — Chính ra Nguyên-tử gồm 2 phần :

A) Hạt-nhân : ở giữa mang điện tích dương. Đó là nơi tập trung của trọng khối nguyên-tử. Thực vậy, nếu ta gọi trọng khối nguyên-tử của một nguyên-tố A nào thì nhân của nguyên-tử cũng do A trung hòa-tử và Z điện-tử dương mà tạo thành ; vì trọng-khối của điện-tử không đáng kể, mà mỗi trung-hòa-tử có trọng-khối suýt-soát 1 cho nên A trung-hòa-tử cũng có trọng khối gần bằng A và mang một điện-tích là ZE.

Nhưng nếu nguyên-tử của nguyên-tố ta xét đây có $A-Z=N$ proton kết-hợp (vì mỗi một proton có một trung-hòa-tử và một điện-tử dương tạo thành) N trung-hòa-tử thì $A-Z=N$. Vậy điện - tích của hạt nhân vẫn là $+Ze$ và trọng-lượng nguyên-tử không thay đổi $Z + N = A$

B) Điện-tử-âm Những điện-tử âm này chuyển-vận vòng quanh hạt nhân như những hành tinh lượn quanh mặt trời

trong thái-dương hệ, theo đường quỹ đạo là một vòng tròn hay hình bầu dục cho nên các điện tử âm còn gọi là điện tử hành tinh. Nhưng từ khi dòng điện xoay chiều và phép tính điện ra đời. Với phương-trình $i = I_{msiu-wt...}$ cho ta một đường sóng ba đồng, rồi thì sự phóng tia âm-cực của dòng điện nhì tam tương cũng biểu thị một làn sóng Sin, nên quỹ đạo của các điện tử âm là một vòng tròn hay hình bầu dục không còn tồn tại nữa và nhường lại cho thuyết quy-đạo Sin dòng của điện-tử. Như vậy dù rằng liên tục hay gián-đoạn của quy đạo này ta vẫn thấy ít nhất nó cũng mang một cực đại và một cực tiểu, mà vận-tốc chuyển dịch của điện-tử khá nhanh cho nên khi qua cực đại hay cực tiểu thì năng lượng tỏa ra rất lớn vì lúc nấy nó đã tác dụng một công lớn nhất theo ký hiệu $W = F \times L$ (l, lớn F; lớn dĩ nhiên W lớn) đứng trên nguyên lý tương đương của năng lượng $W + JQ = 0$ mà xét thì cộng và nhiệt có sự trao-đổi nhau khi nó tạo thành

một công lớn tất nhiên nó phải tỏa nhiệt nhiều. Đó là nhiệt năng và cũng vì lẽ ấy, khí bom nguyên-tử nổ khi quyền nóng vô cùng (sẽ nói kỹ sau về bom nguyên-tử) Bây giờ ta hãy chú ý đến cách xếp đặt điện-âm ngoài nhân. Nếu trong nhân có Z điện-tử dương thì ngoài nhân cũng có Z Điện-tử âm, thế thì nguyên-tử phải trung-hòa về điện-tích nghĩa là điện-tích của nguyên-tử bằng, $-Ze + Ze = 0$ hay nói cách khác nguyên-tử không có điện tích, còn số Z gọi là con số nguyên tử hay số hiệu nguyên tử của một nguyên tố. Các điện tử âm này được phân bố trên nhiều lớp mà chuyển dịch, những bao giờ có sử dụng chạm nhau; Các lớp liên-tiếp này chỉ tác dụng trên mỗi lớp cực tiểu là 1 cực đại là 8 (1 như Hydro) (8 như cái khí hiếm. Riêng trừ khí hiếm, lớp ngoài biên mới được hoàn toàn nghĩa là mang 8 điện-tử.)

Nhiệm-vụ của 2 phần —

a) Những điện tử âm ngoài biên có thể mất đi hay tự tạo khi một phản-ứng hóa-học xảy ra mà không làm tổn thương

đến hạt nhân nguyên-tử. Sở dĩ ta nói các điện tử ngoài biên có rất nhiều ái-lực trong phản-ứng hóa học là vì đứng trên nguyên-lý Newton $F = \frac{mm'}{dz}$ các điện tử đều hút nhau, khi có sự tác dụng của vài chất hóa-học trong một dụng dịch nào đó. Vì vậy cho nên một công thức hóa học được thành lập là do sự tác dụng của điện tử ngoài biên nên lớp điện tử ấy gọi là điện tử hóa trị. Ta kết luận điện tử âm là một điện tử trực tiếp can thiệp vào phản ứng của hóa học. Bây giờ ta hãy xét xem chúng can thiệp thế nào?

Khí một nguyên tử nào v_i ảnh hưởng gì mất một điện tử âm thì lập tức điện tích biến thành dương: đó là lon dương. Thí dụ nguyên tử Natri chẳng hạn số điện tử hành tinh là 11 ($Z=11$) trên lớp điện tử ngoài biến chỉ có 1. Điện tử này không bền vì nếu gặp trường hợp thuận tiện sẽ tách rời khỏi nguyên tử; lúc này nguyên tử Na sẽ mang điện tích dương mà biến hóa ra dương lon vì thế nên Na có ái lực đối với điện

từ dương ta bảo Na là một chất dương.

Trái lại khi một nguyên tử chiếm đoạt được một điện tử âm dễ biến thành Ion âm. Đó là một chất âm. Bây giờ ta cho một chất dương như Na kết với một chất âm như chlore đựng với nhau thì lập tức Na thoát một điện tử âm ngoài biến cho. Ce Sự chuyển điện tử như vậy tỏa ra một nhiệt lượng rất lớn vì khi 1 Ion âm và 1 Ion dương được nối với nhau, hiện tượng sinh ra tinh điện và biến thành một phân tử. CENa

Những chất dương mang hòa trị dương, chất âm có hòa-trị âm.

Tóm lại các điện tử âm là những điện tử quan trọng vô cùng của phản-ứng, và từ đây chúng ta sẽ không thắc mắc rằng tại sao khi hai nguyên tử tổ kết nhau phải có sự cân bằng hòa trị.

b) Phần trong là hạt nhân không thể thay đổi được dù một phản ứng khó khăn đến đâu cũng không tác dụng đến hạt nhân được. Hạt nhân là một đặc tính bất hủy bất diệt

của nguyên tử. Đó là kết quả của định luận Lavoisier.

Sự bắn phá của hạt-nhân nguyên-tử — Ngày xưa nhờ sự luyện kim dễ chế thành vàng những chất không có vàng người ta tìm tòi ra sự biến chất của các nguyên tố.

Ngày nay trong sự luyện kim các nhà bác học đã tìm ra lý thuyết của sự biến chuyển để bổ xung cho lý thuyết ngày xưa. Có hai phương-pháp của sự biến-chuyển chất này :

I/ — ta có thể thêm vào hoặc bớt đi một số trung hòa tử, mà số nguyên tử vẫn được bảo tồn. Đó là những chất đồng vị.

II/ — Nếu làm mất đi một số proton bằng cách phóng xạ dễ phá hoại nguyên tử thì sự phóng xạ này chỉ có thể can thiệp đến phần ngoài hạt nhân mà thôi, Đó là phạm vi của khoa hách lý hóa. Công việc này tuy thế nhưng rất khó khăn, vì không phạm đến hạt nhân thì không thể làm biến nguyên chất được. Nhưng đến khi phân tán một nguyên tố nặng, như trong việc chế tạo bom nguyên tử (Sẽ nói trong

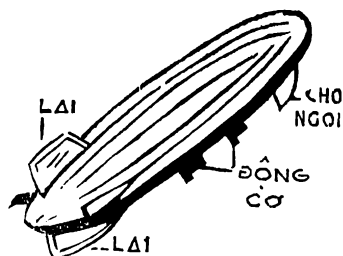
bài bom nguyên-tử) ta thấy năng lực phát xuất vô cùng lớn lao. Trong sự phóng xạ này xảy ra trong hai trường hợp :

1/ — Phóng xạ thiên nhiên Đó là sự phóng xạ của các nguyên tố nặng như Do e Trong sự phóng

xa này ta thấy có nhiều tia được xuất hiện. Đó là những yếu tố thoát ly khỏi hạt nhân.

Đầu tiên tia là những hạt nhân như hecion đã mất hai điện tử âm mà mang hai điện tích là 2 e đó là tia alpa bêta rồi đến tia là những điện tử âm bắn ra với vận tốc rất mạnh cuối cùng là tia có đặc tính của tia X là tia game

2/ — Sự phóng xạ nhân tạo Tuy rằng những nguyên tố nặng như dotê tự-nhiên mà bắn phá..



Nhưng ta cũng có thể thực hiện được khi dùng phép bắn phá với tốc độ lực rất mạnh (sẽ nói rõ trong bài bom

nguyên - tử). Đó là khoa hách lý hóa học. Tuy sự bắn phá này có tính cách nổ truyền nhưng các nguyên tử cũng không thể hủy diệt. Đó là kết quả của Lavoisier

Rồi đây trong bài bom nguyên tử chúng ta sẽ đủ dẫn chứng để bàn về sự bắn phá này.

MANH - HÀ Cử-nhân Toán học



Khảo luận về Chính-trị

của CHU-HẬU

« Làm chánh lấy đức », cũng ví như ngôi Bắc-thần ngồi ở giữa giới. mà các vì tinh tú đều quy hướng cả vào đó.

Nếu lấy chính lệnh để dẫn đạo dân chúng, lấy hình phạt để bình trị dân chúng, đó chỉ là tạm khiến người dân được khỏi vòng tội lỗi mà thôi,

Lấy nhân-đức để dẫn đạo dân chúng, lấy lễ-nghĩa để bình trị dân chúng, đó mới khiến cho dân tự có lòng tri-sĩ, mà đi vào con đường thiện.

Nếu nhà lãnh-đạo chánh-quyền chỉ chuyên về mặt chánh-lệnh và hình phạt làm kể trị dân, thì nó chỉ là cái thuật áp-bức, bắt buộc được ngoài mặt người dân phải sợ pháp-luật, mà không dám làm điều ác đó thôi, nhưng kết-cục không dứt được mầm ác trong thâm-tâm của họ. Trái lại, nếu nhà lãnh đạo tự mình đem được lòng nhân đức làm gương mẫu cho dân noi theo,

đem được sự lễ-nghĩa dậy-dỗ cho dân cảm hóa, như thế mới mong khiến được người dân họ hiểu đường tà, chánh, mà tự hổ với lương tâm, để quay về đường thiện.

Theo sự khảo luận trên đây ta sẽ nhận thấy :

Phàm làm chính trị eo hiểu thấu được lòng dân - chúng mới mong tâm phục được dân, nếu không, dù người ta có đặt ra thiên hình, vạn chánh cũng chỉ khiến cho họ diện-phục đó mà thôi. không mong gì lòng thành đối với Quốc-Gia. với chính-phủ của họ. Ôi ! nước lấy dân làm gốc ! nhà lãnh-đạo chính-quyền lại chẳng lấy điều đó làm quan tâm ru ?

Xét hai chữ chánh-hình đây nó là cái pháp-chế, cấm-lệnh, hình-luật của một Quốc-Gia ; sở dĩ người ta phải đặt nó ra để quy-phục dân chúng, chừng giới nhân-tâm, nếu kẻ bất tuân sẽ lấy nó để trị tội.

Xét như thế tuy nó cũng có tính-cách « chùng ác, khuyến thiện », nhưng kết cục nó chỉ là tạm thời, không phải là kế trường-cửu ; vì nó chỉ khiến được ngoài mặt người dân phải sợ cái oai quyền của pháp-luật trong nhất thời, mà diện phục đó thôi, kỳ thực trong thâm-tâm họ vẫn ngầm nuôi mầm ác.

Đó là bởi có sao ? bởi người dân họ có được giáo hóa gì đâu ? họ có hiểu cái tư cách của con người là thế nào ? cái nghĩa-vụ của công dân là thế nào ? mà bảo họ cải tà quy-chánh ! « No ấm rồi phải dạy dỗ » Đó vốn là cái đức chánh của phu tử. Xét vậy thì cái chính hình đó ! dứt sao được mầm ác mà dắt được dân vào con đường thiện ?

Đây tôi xin đặt một tỷ-du : Này nếu có một Quốc-Gia dân chỉ còn lạc-hậu, mà nhà lãnh-đạo không lo gì đến sự khai hóa, nay đặt ra chính-lệnh nọ, mai đặt ra hình-luật kia, để bắt buộc dân chúng gắng bước trên đường vãng-minh, Như vậy ; hỏi nó có hy vọng gì không ? khác nào bắt kẻ « chèo cây mò cá ». ?

Trên vũ-trụ khắp nơi xương máu, trong ngục tù đầy kẻ tội lỗi, đó chẳng là cái chánh sách vụng-về của nhà lãnh-đạo đó sao ?

Thực vậy, một dân tộc bước sao được lên con đường tiến hóa, nếu không được qua một nền giáo-dục ?

Một Quốc-Gia xưa nay văn minh, hùng cường, hay phải lạc hậu. suy vong, đó đều là do ở nhà lãnh đạo cả, nếu khôn-khéo ra thì dân được no ấm vẻ-vang, nếu vụng-về thì dân phải đói rét cực-nhục. Xc n như ông Đăng-Văn-Công hỏi việc trị nước ông Mạnh-Tử trả lời rằng : « Điều cần nhất nhà vua phải chăm chỉ về việc mưu-sinh cho dân, phạm làm người dân : thân có được no ấm, bụng mới có lòng tốt, mà nếu không có lòng tốt tất sinh ra càn bậy không còn từ việc gì là không làm. Vậy đến khi người dân đã mắc vào tội lỗi rồi nhà vua mới đem luật ra trị tội, như thế ! có khác gì nhà vua đánh lười người dân đó không ? Một ông vua nhân đức đâu nỡ lừa dối người dân như vậy ? cho nên các

bậc hiền quân xưa nay không bao giờ là không lấy lễ nghĩa làm căn bản mà đem lòng cung kính và đức cần kiệm làm kế trị dân.

Xét vậy, thì cái chính hình chỉ là đầy sự ác-nghiệt. Đã đành một quốc gia phải có một hiến-pháp để làm kế trị bình, nhưng nếu người ta chỉ quá thiên về nó, mà không chú trọng đến lễ nghĩa, giáo hóa làm căn-bản, thì đó chỉ là biết bắt tội người dân mà không biết hóa-đức cho người dân. Như vậy! đâu phải là con đường dắt dân vào nơi chí-thiện?

Ấy cái công dụng, của chánh-hình trong phép trị-dân nó chỉ là một cái kế bất-đắc-dĩ! Vậy đứng về phương-diện nhân-đạo mà xét: nó chỉ là bá-đạo, không phải là vương-đạo vậy. Còn như hai chữ: đức-lễ đây, trái lại nó đối với đạo trị dân lại có một sức thần diệu không ngờ, nếu nhà chánh-trị biết dùng nó!

« đức » nghĩa là gì? nó tức là tấm lòng nhân-đạo của người ta, nó chính là cái mầm thiện hay suy, hưng hay

vong của một nhà hay một nước, ta thường nói: « đức giả bán giả », nó là nghĩa thế!

« Lễ » nghĩa là gì? nó tức là cái thứ-bực tôn-ty của nhân-quần, giới-hạn đẳng-cấp của xã-hội. Theo như trong kinh: « đối với thiên-lý nó có nghĩa là vẫu-hoa, tiết-độ của giới; đất, đối với nhân-sự nó có nghĩa là uy-nghi, phép-tắc của con người ». Nó tức là mầm chế-loan, hưng-trị ở trong thiên-hạ; Nói tóm lại cái phẩm giá của nó: dù từ một người, một nhà cho đến một nước, nếu không có nó sẽ không thành vật gì oả. Ta thường nói « phi lễ bất thành » nó là nghĩa thế!

Ấy cái công dụng của « đức-lễ » nó có quan-hệ mật-thiết với nhân-quần, xã-hội như thế! cho nên đứng Tiên-vương ngày xưa mới đem ra làm kế bình trị thiên-hạ, dân đói rét thì lo sinh-công, kế-lợi cho dân no-ấm, dân ngu dốt thì lo dạy-dỗ khai-hóa cho dân khôn-ngoa. Vậy hỏi như thế thì Tiên-Vương làm gì mà chả dắt được dân vào con đường chí-Thiện? Vì vậy cho nên những thời-đại ấy thiên-hạ mới được thái-bình, mà

dân-chúng mới thoát khỏi nỗi
lầm-thau biến-loạn.

Nhưng dù vậy tại sao Tiên-
Vương lại cần phải sự giáo-
hóa ?

Cha mẹ sinh con gười sinh
tính. Nhận xét: người ta sinh
ra dù ai-ai cũng có tai-mắt
thông-minh, tính-tình lương-
thiện cả, nhưng hiểm vì cái
bản-chất của con người nó có
kẻ hậu, người bạc, hơn-kém
khác nhau, không thể nào
nhất-luật như nhau. Vì vậy
Tiên-Vương mới đặt ra lễ-
nghĩa làm khuôn-mẫu giáo-
hóa cho người dân noi theo.¹
Khiến ta biết con đường ác
mà tránh, con đường thiện
mà đi, ấy con người mà sở-
dĩ được khôn-thiêng hơn
muôn vật cũng là nhờ bởi đó !
Xét như vậy, thì cái công-hiệu
của hai chữ « đức-lễ » nó chả
là thân-diệu đó ư ? Nếu chúng
ta đều hiểu nó cả, còn cần gì
đến hình với chính ?

Vậy tóm lại cả hai vấn đề
« chánh hình » và « đức-lễ »
trên đây mà xét: thì ta nhận
thấy nó đối với Quốc-Gia tuy
cùng là mật thiết cả, nhưng
kết-cục nó có quan-hệ khác
nhau, là ở chỗ: một đằng là

diện-phục và một đằng là tâm
phục, cho nên luận đến đạo
trị dân thánh-nhân đã có câu :
« trước dùng, uy, sau phải
dùng đức », cái uy nó chỉ là
cái ngọn mà cái đức nó tức
là cái gốc. Vậy nhà làm chính-
trị há lại chẳng cân-nhắc mà,
điều-hòa lấy nó chẳng ? Há
lại dùng ngọn bỏ gốc mà
mong nó thành được công-
quả đó chẳng ?

Đây tôi lại xin đặt một tỷ
dụ: Nay một chánh-sách
chuyên sự tàn-bạo, khủng bố
để bắt dân quy-theo, với một
chính-sách đem một lòng nhận-
đức cảm-hóa, để khiến dân
quy-phục, thì ta sẽ hỏi tự lòng
ta nó sẽ hướng theo đảng
nào ?

Than ôi ! Sinh trong khoảng
giời đất này ai lại không
muốn ưa nhẹ ? Muốn ưa nặng
họa chỉ có ngu-dốt như thân
con lừa !

Vậy đề kết bài khảo-luận
trên đây tôi trộm nghĩ Thánh
nhân sở-dĩ hiểu-thấu được
tâm-y người dân như vậy, cho
nên mới xướng ra cái thuyết
(làm chánh lấy đức) để làm
gương cho hậu-thế, nhưng chỉ
tiếc rằng dù xưa nay cũng

vậy, phần nhiều nhà cầm rằng nhà cầm quyền-chính quyền chánh chỉ ham-chuộng trong Quốc-Gia ngày nay, chú-cái uy mà coi khinh cái trọng đến nó! Thì thật là xây đức, nhất là thời-đại thế-giới cho đồng-bào một nền hạnh-nguyên-tử này. Ôn lại chuyện phúc vậy.
cũ để làm việc mới, mong

CHU HẬU



Phụ-trương bằng chữ Pháp

Supplément en Français

NAPOLEON ET LES
SAVANTS DE MILAN

NÃ-PHÃ-LUÃN VỚI CÁC NHÀ
BÁC-HỌC Ở MILAN

*Đọc bài sau đây, các bạn
sẽ thấy các nhà Khoa học
Mỹ-thuật được biệt đãi biết
chừng nào?*

Au citoyen ORIANI,

Kính gửi ông ORIANI

Les sciences qui honorent l'esprit humain, les arts qui embellissent la vie et transmettent les grandes actions à la postérité, doivent être spécialement honorés dans les Gouvernements libres. Tous les hommes de génie, et tous ceux qui ont obtenu un rang dans la République des lettres sont frères quelque soit le pays qui les ait vus naître.

Les savants dans Milan ne jouissaient pas de la considération qu'ils devaient avoir.

Retirés dans le fond de leurs laboratoires, ils s'estimaient heureux que les rois et les prêtres voulussent bien ne pas

Khoa-học trang sức cho nhân trí, mỹ-thuật tô điểm cho nhân-thế, và lưu lại cho đời sau những công-cuộc hữu-ích cho nền thịnh-vượng chung. Ở các nước tự-do Khoa-học và Mỹ-thuật, đã được đặc-biệt tôn-trọng. Vậy tất cả các bậc nhân-tài có địa-vị trong văn-giới, bất luận sinh quán ở xứ nào, đều là anh em với nhau cả.

Thế mà, bao lâu nay, các nhà Bác-học ở Milan, chưa được người đời trọng đãi xứng với địa-vị của mình. Ấn-dật trong các phòng thí-nghiệm, những vị đó chỉ mong sao các vị vua chúa, và các thầy

leur faire du mal. Il n'en est pas ainsi aujourd'hui : la pensée est devenue libre en Italie; Il n'y a plus ni inquisition, ni intolérance, ni despotisme. J'invite les savants à se réunir et à me proposer leurs vues sur les moyens qu'il y aurait à prendre, ou les besoins qu'ils auraient pour donner aux sciences et aux beaux-arts une nouvelle vie et une nouvelle existence. Tous ceux qui voudront aller en France seront accueillis avec distinction par le Gouvernement.

Le peuple français ajoute plus de prix à l'acquisition d'un savant mathématicien, d'un peintre en réputation, d'un homme distingué, quel que soit l'état qu'il professe, que de la ville la plus riche et la plus abondante.

Soyez donc, citoyen, l'organe de mes sentiments auprès des savants distingués qui se trouvent dans le Milanais.

NAPOLÉON.

tu sẽ không làm phiền, làm hại đến mình, là đã tự lấy làm thỏa mãn lắm rồi.

Ngày nay không thể nữa tư tưởng sẽ được tự-do phò diễn tại nước Ý. Không còn có sự khám xét bắt bớ và cũng không có sự cấm đoán nghiêm ngặt nữa.

Vậy tôi mời tất cả các nhà bác-học, sẽ cùng nhau đoàn-kết, và tỏ rõ cho tôi được biết những ý kiến về mọi phương pháp hành-dộng, cùng những sự cần thiết, bổ ích cho khoa-học, cho mỹ thuật, nghề hầu xây dựng một cuộc đời mới, một cảnh tân-sinh hoạt. Các vị nào muốn qua thăm nước Pháp sẽ được Chính-Phủ đặc biệt tiếp đón.

Toàn-Dân đương khát khao muốn được một nhà Bác-học về Toán, hay về khoa-học có danh tiếng, nghĩa là một bậc vĩ-nhân bất cứ là người theo về ý tưởng nào; hơn là chiếm được một thành phố rất giàu có, và rất phồn thịnh.

Mong Tiên-sinh sẽ là cơ quan chuyển đạt, những tình cảm của toàn dân Pháp đối với các nhà Bác-học trứ-danh hiện đương ở quanh vùng Milan này. Thanh-Khiết dịch

Vie littéraire de Tam-Nguyên Nguyễn-Khuyên

Tam - Nguyên Nguyễn - Khuyển, (1er lauréat des concours littéraires; originaire du village de Yên-Đồ, District de Binh-Lục, Province de Hanam) était descendant du 1er Ministre Quang-Luong-Hâu, de la dynastie des Lê et petit fils du Docteur es-lettres Nguyễn-Mai.

Premier lauréat du concours triennal de Nam-dinh, Nguyễn-Khuyển fut ensuite successivement reçu premier aux concours organisés au Palais impérial (Année Tân - Vi du Règne de Tu-Duc). Aussi les caractères (Tam-Nguyên premier des trois concours successifs) furent-ils inscrits sur les étendards de procession triomphale qui le ramena au village natal.

Nguyễn-Khuyển qui débuta dans la carrière mandarinale à la suite des succès universitaires, était versé dans l'art militaire comme dans les lettres. Son patriotisme et son affection pour le peuple se manifestaient dès son jeune âge, ce qui explique les hautes vertus dont il avait cons-

tamment, fait preuve en temps de paix comme dans les périodes de trouble. Les générations ultérieures le vénèrent et ses devanciers mêmes avaient pour lui une admiration sympathique. L'Empereur Tu-Duc lui a dédié la sentence parallèle ci-après qui figure encore aujourd'hui, sur son autel de famille :

« Thịnh - đức, mẫu công
truyền chi, bách thế ;

« Thần trung, tử hiếu, duy
thứ nhất tâm. » qui signifie :

« Piété filiale, loyauté du
sujet qualités constantes de son
cœur : « Hautes vertus, émi-
nents services, exemples
ineffaçables pour des siècles ».

Prétextant de sa vieillesse, il demanda sa retraite qu'il passait dans le paisible milieu familial. Il se préoccupait de son jardin, menait une vie contemplative et s'adonnait à la littérature, en se remémorant les vicissitudes de son passé mouvementé.

Il a composé des vers en caractères chinois et en langue nationale. Nombre de ses poésies sont d'une inspiration

spontanée, mais révélant une grande profondeur de pensée. L'ancienne revue Nam Phong dit que : « Si la Cour royale eut organisé un concours de littérature en langue nationale, il aurait été reçu Ier. »

Nous nous proposons de reproduire au fur et à mesure ses oeuvres, soit en langue nationale, soit en langue chinoise avec traduction en langue nationale.

Nous nous essayerons également d'en donner une interprétation française, espérant apporter une très modeste

contribution à notre culture littéraire :

« En temps de troubles, constatant qu'il était impossible de remédier à la situation du pays et que ses collègues avaient sacrifié leur vie, il a demandé sa retraite pour se consacrer à la vie familiale. Un haut dignitaire qui appréciait sa renommée et connaissait ses talents, l'exhorta à reprendre ses fonctions mandarinales mais Nguyễn-Khuyển refusa catégoriquement d'acquiescer, et lui adressa ces vers. en prenant pour sujet une veuve qui ne consent plus à se remarier.

Réponse de la Veuve

Ne savez-vous pas que je suis une veuve,

Manquant d'appui et manquant aussi de nécessaire ?

Une entremetteuse faisait preuve de commisération,

M'engageant à me remarier avec un jeune homme.

Le jeune homme est en pleine vigueur.

Mais moi, pauvre vieille, ne conservant pas assez de force,

Comment pourrai-je le tenter ?

La joie de l'hymen dans ces conditions pourrait-elle durer ?

L'idée du mariage ne saurait me réjouir,

Pendant que n'arrive pas à surmonter ma misère.

Que j'ai honte en me rappelant ce que m'ont enseigné mes parents :

Un couple mal assorti s'expose aux risées.

Madame l'entremetteuse, votre compassion est bonne,

Mais le procédé n'est pas
recommandable.

Quant au mariage, je n'y
peux songer.

Si vous me plaignez, prêtez-
moi donc des habits et du riz,

(Voir le texte en Quôc-Ngu
à la page.....)

Traduction de ME GIÁO-MINH



Les Mường et les Thô

Leurs mœurs et coutumes

Les MUÔNG ou THỎ se rattachent au groupe THÁI : Leur race a contribué à la formation de la race Việtnamienne. Leur organisation politique, féodale, se rapproche de celle des THÁI et des anciens Việtnamiens. Chacune commune constitue un fief, une Seigneurie héréditaire dont le chef a le titre de Quan-Lang « Bon Maître » Celui-ci est le « Maître de la terre » (Thỏ thừa) tandis que les habitants ne sont que des serviteurs attachés à la glèbe ; il existe parfois d'autres propriétaires, , constituant des fief-servants. Le Quan-Lang distribue seul les terres de son fief, prélève les impôts en espèces et en nature, lève la corvée et la milice Il est seul à connaître le caractère chinois et sa charge est héréditaire Les MUÔNG vivent, le long de la rivière noire, dans le delta Tonkinois et dans la province de Thanh-Hóa. Ils se distinguent facilement des Annamites par

des yeux non mongoloïdes. Ce sont des Indonésiens.

Le costume : L'homme se vêt d'un pantalon et d'une blouse qui reste au-dessus du genou. Le costume est tissé par les indigènes et teint en Cũ-nâu ; mais les gens de condition emploient parfois une toile noire. Les cheveux sont portés en chignon et un turban bleu enserré la tête. A la ceinture, le MUÔNG place un coupe-coupe ceinturé enroulé dans un farreau en bois. Le costume de la femme a des variantes, selon les districts. Il se compose d'une sorte de large fourreau formant jupe, de couleur bleue ou marron (dans le S. E), avec, aux extrémités, de hautes broderies ou des bandes aux couleurs voyantes ; une longue échappe retient la jupe à la ceinture et à la poitrine ; par-dessus, une petite veste (áo lót) boutonnée sur les épaules ; Sur les cheveux roulés en chignon, un voile de cotonnade bleu, plié, est rejeté en arrière. Les boucles d'oreilles, en argent, affectent la forme d'un S

L'HABITATION : La maison est conçue sur le plan général adopté par les peuplades indonésiennes : la case est élevée de 1m50 à 2m et plus, au-dessus du sol pour protéger, les habitants contre l'humidité ; le rez de chaussée est laissé comme abris au bétail. On aboutit à l'habitation par un escalier, fixé au palier qui précède des diverses chambres

L'ACTIVITE : Les MUONG sédentaires, irriguent les rizières situées dans les vallées, mais ne font qu'une récolte, celle du dixième mois. Les femmes travaillent aux champs, ou tissent une toile de coton. Les hommes vont à la pêche et surtout à la chasse, soit au filet, soit à l'arbalète. Les fêtes religieuses et les croyances des indonésiens sont naturo-annamites ; Ils ont la crainte des esprits et cherchent à se concilier leurs mouvements. Les devins et exorcieux (Thây-Mo) tiennent une place importante dans la vie paysanne de ce peuple. Le culte aux esprits des ancêtres est en honneur dans les familles. Chaque commune a son temple. Les villages voisins du Tan-

Viên sont voués à l'esprit du SAINT MONT.

LES FUNÉRAILLES : Le cadavre est préalablement lavé à l'eau chaude. On l'habille, puis on met une pièce de monnaie dans sa bouche. Toute la famille entoure le corps ; le lercier, mitre en tête se place aux pieds et récite des formules et fait des invocations. Quelquefois, les buffles, les chevaux, les boeufs du défunt sont amenés pour assister à la cérémonie de l'exorcisme. On enferme le corps dans un grand arbre évidé et scié dans le sens de la longueur. La bière est percée d'un trou dans lequel on fixe un long bambou creux dont l'extrémité supérieur émerge au-dessus du toit de la maison. C'est par cette cheminée que les gazés s'échappent du cerceuil, permettant à la famille de demeurer dans la pièce sans être incommodée. Dans certaines tribus le corps, sommairement embaumé, est ainsi conservé pendant des mois. Pendant trois jours le Thay-mo renouvelle les cérémonies d'exorcisme et d'offrandes aux génies. Lorsque le cortège se forme pour ga-

ner la sépulture, le sorcier demande à l'âme de défunt de ne pas tourmenter les vivants et au génie de la terre de la garder en paix.

TRADUCTION

Chant des souhaits adressés aux époux Thô de

Lạng-Son et Cao-Băng

— Je suis venu pour former le couple par le mariage.

— (les maries) vont saluer l'autel des ancêtres pour avoir le bonheur et la paix.

— Le père et la mère, tous les deux sont très heureux

— Ils sont sûrs (que les maries) les entretiendront dans leur vieillesse et qu'ils offriront à l'autel du feu et de l'encens

— Je vous souhaite ceci qui sera réalisé.

— ce souhait prononcé sera digne de votre argent.

— A partir de maintenant, vous produirez toujours dans

voire travail.

— Vous achetez, vous vendrez, toujours avec avantages.

— Vous aurez du paddy, de l'argent, avec en plus de l'étoffe et de la soie.

— Vous aurez de belles maisons au toit de tuiles et aux murs en briques.

— Vous aurez des garçons excellents en lettres,

— Vous aurez des filles dignes des immortelles.

— Je vous souhaite à tous les deux de rester unis pendant mille années

— Vous vivrez aussi longtemps que Bành-Tổ jusqu'à huit-cents ans.

— Tous ces souhaits! Vous les aurez réalisés.

— Vous aurez du renom; le monde le transmettra.

Extrait du Recueil des
chants de mariage THỒ)
Biệt-Lam



PENSÉES D'ORIENT ET
D'OCCIDENT

1o) Tel père, tel fils; tel maître, tel valet.

2o) En mangeant les fruits, on pense à celui qui a planté l'arbre.

3o) Les vertus commandent tout.

4o) La richesse attire les amis, la pauvreté les éloigne.

5o) Un vers rend mauvais tout le bouillon.

6o) Le malheur n'arrive jamais seul.

7o) Bon parleur, mauvais cœur.

8o) La vérité excite souvent des vexations.

9o) Qui rit aujourd'hui, pleura demain.

10o) Pas de fumée, sans feu

11o) Trop parler nuit.

12o) Coucher la lune au fond de la mer.

13o) Mettre le baton dans la roue.

14o) Bonté vaut mieux que beauté.

SỰ GẶP GỠ CỦA ĐÔNG, TÂY
TƯ-TƯỚNG

Cha nào con ấy,
Thầy nào, tớ ấy.

Ăn quả, nhớ kẻ giống cây

Đức giả bản dã. (Đức là căn bản của mọi việc).

Giàu sơn lâm, lắm kẻ tìm đến, khó dữa chợ chẳng kẻ nào nom

Con sâu bỏ rầu nòi canh.

Họa vô đơn chí.

Khẩu phật, tâm xà. cũng nghĩa là : (Miếng ngoài thơm thốt nói cười, mà trong nham hiểm giết người không gươm).
Sự thật mất lòng.

Cười người chó có cười lâu,
Cười người hôm trước hôm sau người cười.

Không có lửa, sao có khói. Ý nói : (Thế gian chẳng ít thì nhiều, Không dung ai có đặt điều cho ai !

Ngôn đa, tật thất. (Nói lắm sinh nhàm).

Mò giăng đáy biển.

Thọc gậy vào bánh xe.

Cái nết đánh chết cái đẹp.

PHAN SỬ - KỶ

ME CON MỘT NHÀ, TIẾNG THƠ'M MUÔN THỬA

NGÔ-LẬP-CHI

Giáo-sư Văn-Khoa Đại-Học

Nguyễn-Cao, (con Cụ Cử Nhân Nguyễn-Hành) người làng Cách-Bị, Huyện Quế-Lương, (Bắc-Ninh) đỗ thủ-khoa, năm Tự-Đức thứ 17, (1867) sơ bổ Tri-Huyện, làm quan rất nhân-từ, sau giữ chức, Tân-Lý quân-vu Bắc-Kỳ, cầm cự với người Pháp (1885). Sau khi nước ta cùng với nước Pháp giảng hòa, ông nghỉ quan về nhà dạy học. Có kẻ mật báo ông có ý khởi nghĩa, liền bị bắt, ông giấu sẵn một con dao con ở trong thắt lưng. Khi giải về đồn. người Pháp khuyên dụ ông hàng, ông quắc mắt nói:

« Việc làm của ta sáng-sủa như mặt trời, mặt trăng, nay các người xem can tràng của ta thế này, hàng làm sao được? Nói vừa rút lời, đã thấy ông lấy tay lôi ruột

ra ngoài, dài hàng thước, máu chảy lênh láng. Người Pháp kinh ngạc, liền cho băng bó, ông rút mỗi chỉ buộc mà chết

Thân-Sỹ thời ấy có câu đối khóc ông như sau:

«Thê tâm thiên địa phi trường bạch,

«Thiệt sỉ giang sơn thổ thiết hồng.

Dịch:

«Thề cùng trời đất phôi gan trắng;

«Nguyễn với non sông nhuộm máu hồng.

Nói đến tiêu-sử của ông, ta cũng không nên bỏ qua tiêu-sử bà thân mẫu ông:

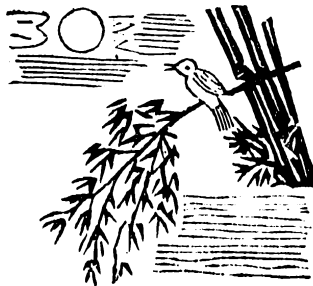
Bà thân mẫu ông, (chưa rõ họ tên) là vợ lẽ Cụ Cử Hành, một hôm bà đi qua quảng đồng vắng, bị một kẻ cường-

hào bóp vú, (chính là người trước đã hỏi bà làm vợ, nhưng bị cự tuyệt). Truyện ấy xảy ra ở một quãng đường vắng, không một ai trông thấy, đến ba năm sau, gặp ngày giỗ hết tang chồng, họ-hàng đến đông đủ, bà liền bày tỏ : Vì trước đưa con thơ này hãy còn măng sữa, nên phải ần-nhân, nay nó đã ăn được cơm, xin nhờ nhà chồng trông nom ; bà xin chết theo chồng, để rửa một cái nhục lớn : Nói xong, liền đến trước bàn thờ

chồng, khấu-vái lăm lăm, bỗng thấy bà nằm vật xuống đất, và thấy hai vú đã cắt, quăng ra đấy. Bà chết liền, không ai kịp cứu chữa.

Ghê gớm thay ! Tấm lòng trinh-liệt của bà. Mẹ liệt-nữ, con trung-thần, có mẹ ấy, thì phải có con ấy. Thực là : Nhất môn mẫu tử, vạn cổ anh phong. « Mẹ con một nhà, tiếng thơm muôn thừa ».

Viết ngày 25 tháng 4 năm 1954
Cử-nhân Ngô-LẬP-CHÍ



Diệh bài hịch các Tì-Tướng

(của Đức Trần-Hung-Đạo)



Ta nghe, Ký-Tin, truyện xưa, (1)
Thay mình Cao-Đế, cứu vua khỏi nạn.
Sở Đô-Vu liềm thân đỡ giáo, (2)
Thờ Chiêu-Vương chọn đạo trung-quân.
Rửa thù; Dự-Nhượng nuốt than, (3)
Chặt tay Thân-Khoái, vì dân quên mình. (4)
Đường Kính-Đức, tiểu-sinh một gã, (5)
Cứu vua Đường, khỏi họa Vương-Quân.
Cảo-Khanh, một kẻ viễn-thần, (6)
Hay câu mắng giặc, không hàng Lộc-San.
Ấy nghĩa-sĩ trung-thần thừa trước!
Đời nào không vì nước quên mình?
Vi theo nhi-nữ thường tình.
Khur-khur só cửa, uổng sinh một đời!
Sao được tiếng anh-tài để lại?
Vớ đất giời, còn mãi, danh, thơm.
Các người vốn ở tướng-môn,
Văn còn ít học, nghĩa còn chưa hay.
Nghe ta kể trên đây những chuyện;
Lòng phân-vân bán-tín, bán-nghi.
Việc xưa âu chẳng kể chi;
Truyện đời Tống, Thắt, hãy nghe cho tường. (7)
Tống Công-Kiên, can-trường sao nhỉ? (8)
Tỳ-tướng-Lập, chí-khí lại sao?
Điếu-Ngư con-cỏ thành-hào,
Quân Mông trăm vạn khôn vào được trong.
Cứu dân Tống, qua vòng khói-lửa,
Khiến sinh-linh ơn-nhớ đến nay.
Ngột-Lang lại kẻ sao đây. (9)
Vớ tỳ-tướng xích người này thế nào?
Đường muôn dặm ra-vào sương-gió,

Đẹp chiếu-quân khoảng có mấy tuần. (10)

Khiến cho dạng-dỡ Thát-Nhân,
Anh-hùng nổi tiếng quân-thần bấy-lâu.

Hướng ta nay cùng nhau buổi loạn,
Sống trong vòng hoạn-nạn gian-lao.

Thẹn trông tặc-sứ ra vào,
Vênh-vang lối dọc, ồn-ào đường ngang.

Dơ tặc lưỡi múa-mang cú, quạ,
Dương mỏ-dầu lẳng-mạ trăm quan.

Chó, dê một thước thân tàn,
Tướng, Khanh cũng ngạo, Tề-Thần cũng khinh.

Nay cây thế Mông-dinh hạc-sách, (11)
Ngọc, lụa đòi, vét sạch túi tham.

Mai nhờ danh-hiệu Văn-Nam, (12)
Bạc-vàng thu-nhặt, kho-tàng không-hur.

Khác gì thịt ném cho hổ đói?
Vạ sau này thoát-khỏi, được chăng?

Khiến ta quên ngủ, quên ăn,
Lệ tràn dưới mép, giáo đâm trong lòng.

Chưa nuốt thịt, nằm, lông quân gấu, (13)
Còn thềm gan, khát máu kẻ thù.

Thân này dù bốn cổ bờ,
Thấy này da ngựa bọc-nhờ cũng cam. (14)

Chư-Tướng hỏi bao năm dưới trướng,
Việc binh-nhung quyền trướng trong tay.

Không áo, có áo ta may,
Không ăn, có gạo lương ngày phát ăn.

Kẻ hàm thấp, thăng quan, tiến-chức;
Người bồng nghèo, cấp lộc tăng lương.

Thủy quân chu cấp thuyền dương,
Lục-quân chu cấp yên, cương thiếu gì?

Xây nhà nước gặp khi biến-cổ,
Dù tử-sinh, lao khổ có nhau,
Hãy khi yến thưởng, tiệc khao,

Thầy trò chung hưởng, cùng nhau vui-cười.

So Công-Ngột hai người trước đó!

Niềm ái-ân nay có kém đâu?

Các người sao nở cùng nhau?

Ngồi nhìn chủ nhục, chẳng đau chút lòng!

Sinh trong buổi thẹn-thùng vận nước.

Chẳng hổ mình nhơ-nhuốc tẩm thân.

Đường-đường một vị tướng-thần,

Đang tâm luôn-cuối trước quân mọi-mường.

Nghe quốc-nhạc, thiết phùng tặc sử,

Nỡ mặt nào, niềm nở với ai?

Kẻ thì gà chọi ham chơi,

Người thì lá bạc, quân bài say-mê.

Hoặc có kẻ ham nghề vườn-ruộng,

Nặng vì đường phụng-dưỡng mẹ cha.

Hay vì quyến-luyến thê-noa; (15)

Đắp xây tư bản, tăng da ich mình.

Mãi việc nhà coi khinh quốc-vụ,

Ham nghề săn, nhăng bỏ quân-cơ.

Hay vì chén rượu say sưa,

Não - nùng tiếng hát, màng-mơ sự lòng;

Nay hỏi có quân Mông kéo lại,

Áo giáp kia, gà chọi thủng chẳng?

Mưu cao bài bạc ai bằng?

Khôn đem thi-thố luận bàn quân-cơ.

Kẻ vườn ruộng dù cho phú-túc,

Thân nghìn vàng dễ thực được đâu?

Vợ con bieu-diệu bấy lâu,

Hỏi con quốc-biến đương đầu là ai?

Tay làm nên cửa giới dẫu khởi,

Đầu giặc kia! đánh đời được chẳng?

Mạnh đâu, cái sức chó săn?

Mà sủa đàn hồ. mà ngăn lũ sài.

Chén rượu ngọt nào say giấc-Hán ?
Bài ca tình, khôn ngằn quân Ngô.
Thương thay ! lâm sự bấy giờ !
Một nhà siêng-xích thầy trò bó tay.
Công tôn, tỏ ta xây đất nước.
Đề quân thù lẫn bước, rẽ coi.
Mộ - phần tiên-tổ các người ;
Trộn đào cùng mặc tay ai sỏi cày.
Chẳng một ta, kiếp này hồ-nhục,
Tiếng muôn đời, còn lục xử xanh.
Các người cùng điểm gia-thanh, (16)
Nghìn thu bại-tướng, ô danh, hàng-thần !
Hỏi trong lúc cơ trần nường đó ?
Các người còn vui thú nữa thôi ?
Nay ta khuyên - nhủ mấy nhời :
Phòng câu « dấm lửa », nhớ lời « sợ canh ». (17)
Luyện sĩ-tốt, tập-tành cung-thỉ.
Khiến người - người: Hậu - Nghệ, Bắg-Mông. (18)
Bêu đầu Chúa Liệt cửa công, (19)
Phơi thây giấc thát ngoài đồng mới yên. (20)
Chẳng những ấp ta truyền vạ-đại,
Lộc các người hưởng mãi chung-thân.
Riêng ai êm-ấm chiếu-chăn ?
Vợ-con vui cảnh trăm năm bạc đầu.
Người: tôn-miêu xuân-thâu phụng-tự,
Kẻ: từ-đường tết-đỗ phong-long.
Sinh này âu cũng thỏa lòng,
Thầy-trò dạng-dở, non sông lưu-truyền.
Há một ta tuổi-lên đề lại ?
Tiếng-tăm người cũng dài sử xanh.
Vui thay ! cái cảnh thanh-bình !
Anh-em há chẳng thỏa tình đó dư ?
Nay ta họp quân-cơ mọi chức,

Soạn làm pho « yếu-lược binh-thư »

Kẻ hay luyện tập cần cù ;

Nghe lời giáo-huấn ; thầy trò duyên xưa.

Nếu những kẻ khinh-sợ nhãng-bỏ,

Trái lời ta ấy nợ tiền-phân (21)

Hỏi sao then nước, hờn dân ?

Rửa thù chẳng nhớ, trừ tàn chẳng lo ?

Việc quân-quốc thờ ơ nữ thế !

Hạ giáo gươm hàng kẻ thù chung.

Bỏ tay về với quân Mông,

Nước non dễ then tấm lòng mai sau. !

Òi ! Mặt, mắt, mày, râu nào nữa ?

Còn đem thân đứng giữa đất gò.

Thấu lòng ta hỏi các người ?

Mượn ngòi hoa bút truyền bài lịch-văn.

Chú thích và giải qghĩa : 1o)

Kỳ-Tín : Tướng nhà Hán. Khi Cao-Đế bị quân Sở vây tại thành Huỳnh-đường, Tín xin cải trang giả làm nhà vua ra hàng quân Sở, tự hy-sinh mình để đánh lừa quân địch làm cho Cao đế được thoát vòng vây.

2) Do-Vũ : Bấy tôi nước Sở. Khi phải lánh nạn, Sở chiêu Vương một đêm ngủ ở nhà trọ bị bọn cướp đánh úp, một tên vác giáo đâm nhà vua, Do Vũ vội chia lưng đỡ lấy ngọn giáo, cứu Chiêu-Vương được khỏi nạn

3) Dự-nhượng : bấy tôi Trĩ-bá, Trĩ-Bá bị Triệu Tương-Tử giết, muốn giả thù thấy Nhượng muốt than làm cho khản tiếng và giả làm kẻ ăn mày để lừa dịp giết Tương-Tử.

4) Chưa tường.

5) Uất-trĩ Kinh-Đức : Tướng nhà Đường, Khi Đường Thái-Tôn bị quân Vương-thề-Sung vây bắt, Kinh-Đức một mình che đỡ nhà vua cứu Thái Tôn ra khỏi mặt trận.

6) Nhan-cáo-Khanh : Bấy tôi nhà Đường, làm Thái thú

Thường-Châu, khi nghe An-Lộc-San nổi loạn, kéo quân về đánh Lộc-San, thua trận bị bắt, Lộc-San, dụ hàng, nhưng Cảo-Khang không nghe mà đem lời nhểch mắng, nên bị chém chết. Viễn-thần : người bảy tôi ở nơi phương xa.

7) Tống: nước Tống bên Tàu
Thất: nước sát-Thất tức là
Mông-Cổ.

8) Vương-Công-Kiên và Nguyễn Văn Lập: tướng nhà Tống Khi trần thủ thành Điều-ngư là một thành rất nhỏ, bị tướng Mông-Cổ là Mông-kha-Hàn, kéo đại-binh sang đánh, thầy trò Công-Kiên cò thủ thành-trì, khiến quân Mông không hạ được thành phải rút lui.

9) Ngột-Lang: Cốt-ngại Ngột-Lang, cũng có sách chép là họ Đường, tướng nước Mông-cổ, cùng tỷ tướng Xích-Tu-Tư đem quân sang đánh nước Nam-Chiếu (nay là phủ Đại-lý tỉnh Vân-Nam Trung-Hoa),

10) Chiếu-quân, quân nước Nam-chiếu.

11) Mông đình: triều-đình Mông-cổ,

12) Vân-Nam vương tức là
thê tử Thoát-Hoan.

13) (nằm) lông: Do nghĩa hai chữ hán-tự «tâm bì» ý nói lột da quân giặc để làm nệm nằm, quân gâu: quân giặc. Thơ viết có câu «từ nay giặc gâu hết ăn giăng».

14) Da ngựa bọc thây: xưa Hán-Mã-Viện có câu: làm tày giai (vì non sông, đất nước mà bọc thây da ngựa ở nơi chiến trường thì mới là người anh-hùng).

15) Thê noa: vợ con.

16) Điem gia-thanh: làm diêm-nhục tiếng tăm trong nhà.

17) dâm lửa: chữ nho, có câu: «thò hỏa tích tân» nghĩa là dâm lửa trong đồng củi, có ý nói là sự nguy-hiểm, coi chừng, cũng vì như câu phương-ngôn «lửa

gần rơm lâu ngày cũng bén» của cung bên Tàu đời xưa.

ta? Sợ cạnh thối rau, xưa có 19) Chúa liệt: Hốt-Tất-Liệt-tức là vua Thê-Tô Nhà Nguyễn.

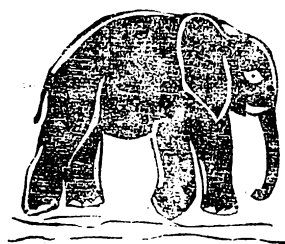
thối cả rau-nguội ý nói người 20) Giặc Thoát Thoát-hoan. cần-mặt.

21) Tiên-nhân: cái nợ-nần

1) Hậu-nghe và Bàng - mông nhân-quả kiếp trước.

là hai người giỏi về nghệ bắn

CHU-HẬU



Vịnh vua Quang-Trung với trận Đống-Đa

(Câu đối và bài thơ sau đây của ông Đ. N.
đã trúng giải thưởng trong cuộc thi thơ ngày giỗ trận)

CÂU ĐỐI :

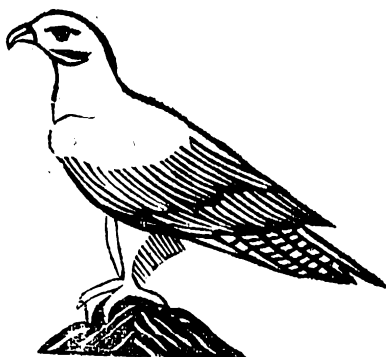
Vua Quang Trung quét sạch xâm lăng, đuổi giặc Bắc lui
về đất Bắc ;

Trận Đống Đa nêu cao khẩu hiệu, đòi nước Nam trả lại
người Nam.

ĐƯỜNG LUẬT :

*Tây Sơn nhà Nguyễn có Quang Trung,
Tiêu diệt xâm lăng, giặc một lòng !
Thần-vũ phá tan quân Mãn-tặc,
Đế-Đô dành lại đất Thăng-Long.
Nghìn thu then nhỏ, đời Lê, Trịnh.
Muôn thừa vịnh thay, giống Lạc Hồng.
Một trận Đống - Đa đầy kỷ niệm,
Trời Nam còn mãi tiếng anh hùng.*

VY KIỀU SAO LỤC.



KHẢO CỨU VỀ CÁ-TÍNH, PHONG TỤC, TẬP QUÁN CỦA

Đồng bào Thái số

tại các miền thượng-du Bắc-Việt

Người Thái. — Người Thái thường phân biệt nhau bằng màu áo. Thái-đỏ và Thái-đen : Người Thái đỏ thường tự xưng là người Lào, và nói một thứ tiếng giống hệt như tiếng miền Louang Prabang. Trong một số dân là 57 ngàn người, 22 ngàn quy tụ tại xung quanh Sầm-Nửa, trong tỉnh Hua-Phan. Theo sù-liệu, thì quê hương của người Thái đỏ là Trung-Tâm Ai-Lao. Vào khoảng Thế-kỷ thứ XII, chính người Thái đỏ từng gây sự tương tranh giữa họ và Nam-Triều về phần đất đai ở thung lũng sông Cửu-long. Đến năm 1827, quân Xiêm tràn vào Lào, tàn phá Vạn-Tượng, người Thái đỏ trải qua bao lần đau khổ. Nhưng từ Thế-kỷ thứ XIX, đến ngày người Pháp đặt nền bảo hộ Ai-Lao, người Thái đỏ lại bắt đầu nộp thuế cho Vua Lào. Ngày nay, trên bản đồ Đông - Dương, địa vị của tỉnh Hua-Phan, (Tiếng Lào nghĩa là nghìn dâu, vì chia ra nghìn mảnh) đã nhường cho những quận

huyện sáp nhập vào nền hành chánh Ai-Lao. Người Thái tần mác khắp trong Hứa-Phan ở Sầm-Nửa, chen chúc nhau trong những làng trù mật; phần đông là nhà sàn như kiểu nhà các giống Thái khác. Không hẻo lánh như các vùng Lai-Châu, Sơn-la, những làng Thái đỏ đông đảo với hàng 500 nóc nhà và mấy ngàn dân cư. Làng mạc thường ở những thung lũng thấp dưới 1. 000 thước, với những đồng ruộng phì nhiêu. Ngoài số ruộng ở đồng-bằng, người Thái đỏ cũng phá rừng, đốt cây. Họ là những tay trồng trọt giỏi, không kém gì người Trung; nam Việt. Duy người Thái đỏ không thiện nghề về thủ công, ít chuộng mỹ-thuật.

Nhạc khí của họ là cây « Khèn » một thứ sáo gốc tích ở Ai-Lao. Họ bị ảnh hưởng đời sống người Lào nhiều, nên cũng hay mơ mộng. Dân chúng Thái đỏ, phần đông học chữ Lào, và một số rất ít đã theo học trong các trường Trung-học Vạn-Tượng

Y phục của phụ-nữ Thái đỏ rất hoa lệ: Xiêm thêu màu, viền đen và xanh, thắt lưng nhiều sắc rực rỡ. Áo cánh của họ ngắn, diềm nhung, thêu dọc đỏ, cũng thắt chên lại bằng một hàng khuy như người Thái trắng.

Người Thái đỏ cũng thiêu người chết, và trong các cuộc tế lễ trời đất, họ thích giết trâu để ăn mừng. Họ cười nhau dãn tiện, được tự do kết hôn, nhưng rất nghiêm ngặt trong tội loạn luân. Đồ sát lễ phần nhiều thách bằng trâu bò, gà, lợn, và nhất là rượu. Người Thái đỏ, chỉ đi làm cho vừa đủ để uống rượu, khi đủ tiền mua rượu, thì nghỉ việc làm ngay. Chừng nào hơi rượu hắt, túi tiền cạn, họ lại uể oải đi làm, rồi ít lâu, có tiền lại nghỉ.

Người Thái đen và đời sống của họ. — Gọi là Thái đen, vì họ mặc áo đen. Người Thái đen quy-tu ở miền Thượng-du Bắc-Việt, xung quanh Hà-Giang và Hoàng-Su-Phi, Bình-Lử-Phong-Thổ, Đà-Giang và hữu ngạn sông Hồng-Hà. Người Thái

đen ở từng khóm một, gồm khoảng 30 nhà sàn, dựng trên núi. Khác với người Thái trắng, họ ở những quãng cao rộng. Vì thế tập tục họ cũng có khác ít nhiều. Cũng là người Thái, mà y phục mỗi nơi một khác, không giống nhau. Tại Hà-Giang, họ ăn mặc như đàn ông Thổ, chỉ khác là ống tay rộng như kiểu Tàu. Nhưng ở Pác-Kha, họ lại ăn mặc giống hệt như người Mèo. Chỉ ở Phong - Thổ Sơn-La là phục sức của họ giống như các người Thái-Trắng. Phụ-Nữ-Thái đen vận áo hàng sẫm sẫm, để hợp với màu da ngăm ngăm của mình. Người Thái đen mơ màng và ủy-mị. Tuy vậy, ngược những giòng sông chảy xiết như thác họ là những tay chèo lái lành lợi và can đảm, từng khiến những thủy, thủ ngoại-quốc ngạc nhiên.

Đời sống của người Thái đen được tổ chức theo một hệ thống giai cấp rất phong-kiến. Người cầm đầu có đủ hai quyền lực; mạnh mẽ: Chính-trị và tôn-giáo.

Theo sự sưu-tầm, thì dân Thái đen là thân dân triều cống trước kia của Mouong-Luông, (Louang-Prabang) và

xã-bội, chinh-trị, kiến trúc theo hình thức Ai-Lao. Người cầm đầu là chúa Mường, với các cấp dưới là Châu-Mường chia nhau quản nhiệm về mặt hành-chính và quân-sự. Sau, ảnh hưởng Ai-Lao tan đi trước quyền thế của người Việt, dân Thái đen từ bỏ chế độ quan liêu cũ.

Người Thái thờ thổ-thần, ma xó. Quyền tế-lễ dành cho các vị chúa tể. Những người này hưởng mọi quyền lợi, cả quyền tế trời, cùng ma quỷ. Tổ tiên của họ là do trời chỉ định xuống cai trị các nơi. Còn những giai cấp khác thì nảy nở từ một nguồn gốc tầm thường, chỉ được làm dân. (Theo người Thái Đen thì dân thường là do trái dưa không lõ nứt ra, nên vẫn phải là trái dưa mãi mãi ughĩa là dân cày sống với đất)!

Trai gái Thái đen được tự do tìm bạn trăm năm, không bị ép ổng. Nhưng cố nhiên con cháu thường dân thì đừng hòng kết bạn với các công tử và tiểu-thơ quyền-quý.

Khi chết người Thái đen được hỏa táng, khác với người Thái Trắng chôn kẻ

tạ thế. Trong đám tang mà, người Thái rất vui vẻ, không một tiếng khóc. Điệu « khèn » thay cho lời ai điếu. Và xung quanh cỗ áo quan, trai gái tinh tỵ, hát xướng. Thường, thường thì 50 phần trăm các cuộc lương duyên được thực hiện, trong khi tiền chôn người mệnh bạc.

Người Mán cũng phân nhiều loại : Mán đeo tiền Mán cốc (Mán có sừng) Mán quần rắng, Mán quần cốc, Mán áo xanh, v... v... Trung tâm xứ Thái là Lai-Châu, nơi sinh sống của người Mán, là rừng núi cao nguyên Trấn-Ninh.

Người Mán gốc rễ người Thái cũng như người Mường nguồn-cội là Việt-Nam. Nhưng người Mán không nhận như thế. Lòng tự-ái và kiêu-hãnh khiến họ tin-tưởng có một nguồn gốc Vương giả. Họ thường tự xưng là Sơn tử tiếng Mán gọi là « kim-miêu »— (người rừng núi) hoặc Long-khuyển diệt (cháu của chó hóa, rồng. Dùng danh hiệu này, họ đã vin theo truyền

thuyết sau đây : (Năm 528 trước kỷ nguyên Thiên-chúa một vị vua, cai trị lãnh thổ

Hoa-Nam, Trung-Hoa bị quân thù uy hiếp, trong cơn nguy biến, trước các thảm bại liên tiếp, nhà vua hứa thưởng quan tước, thưởng đất và gả công chúa cho kẻ nào lui được quân địch. Một con chó, đang đêm vào cắn đứt cổ tên chỉ huy loạn quân. Mất chủ tướng, loạn quân rút đi. Trọng lời đức vua buộc lòng chọn con chó có công làm Phò-Mã. Về việc thưởng đất, đức Vua cắt cho vợ chồng Phò-Mã những miền rừng núi.

Công chúa sinh hạ được 6 trai, 6 gái. Đó là thủy tổ người Mán. Sống trong rừng núi, ngày một sinh sôi nẩy nở ; họ kéo nhau Nam tiến.

Truyền thuyết này rất được người Mán tin tưởng và lấy làm vinh dự. Vin vào truyền thuyết ấy, phụ nữ Mán thích vận phục sức sắc sỡ có vằn như màu lông Khuyển. Và nhiều bộ lạc khác, người Mán mang đuôi phía sau, nên người ta gọi là Mán có đuôi. Theo các nhà nhân chủng học thì người Mán, trước kia phát nguyên từ thung lũng sông Dương-Tử, từng chiếm một vùng đất rộng gồm có

Hồ-Nam Hồ-Bắc, Quảng-Tây và Khoái-Châu. Vào thế kỷ thứ XIII trước áp lực của quân Nguyên họ khởi sự Nam tiến tràn xuống vùng sơn cước Bắc-Việt. Cảnh hợp người, họ ở yên nơi đấy. Bảo ở yên, nghĩa là họ không rời vùng thượng du, tụ trung họ vẫn lưu động, vì bản tính du mục sẵn có. Nếu các sắc dân Âu, có người kiêng thịt heo, thịt bò, thì người Mán, vì quá tin tưởng ở truyền thuyết về nguồn cội, không bao giờ ăn thịt chó. Nếu có người nào ngoài bộ lạc mang thịt chó quăng vào làng họ, lập tức cả làng dời đi nơi khác. Người Mán tinh khí càng cường, bất khuất. Ít khi họ hợp tác hay chịu mệnh lệnh của người khác giống giống. Nhưng trong giòng máu kiên cường của người Mán vẫn pha trộn ít nhiều ham thích thơ mộng. Người thanh niên Mán, thích hoạt động, săn bắn, nhưng vẫn không hờ hững với những phút tiêu dao trước cảnh hùng vĩ, bao la của núi rừng, đề cho hồn chìm trong say sưa của những câu hát huê tình mộc mạc kèm theo điệu nhạc mê ly của các chiếc « khoèn » Họ chuyên nghề nông tang và rất yêu mến màu, đất tảo công

khai phá. Hoa mần thu được ; trừ số dành để chi dụng, số thặng dư đó đem bán ra ngoài. Về công nghệ ngoài nghề dệt vải, người Mán còn làm được giấy bằng bột tre và các món nữ trang bằng bạc.

Họ thờ Thần đất nhưng cũng kính nể Phật và các vị Thần khác. Ở nhiều vùng sự tế tự, thờ phượng mừng trọng như ta cùng tế đức Khổng Tử. Họ rất trọng vọng tổ tiên nên những ngôi mộ của ông bà cha mẹ đều được xây cất vững vàng tử tế.

Bình thường người Mán rất hiền lành dễ dãi, nhưng gặp cơn phần nộ, trở nên những tên quân cảm tử. Họ chế được nông cụ theo thời xưa và súng hỏa mai để săn bắn hoặc tự vệ. Hiện nay ở miền thượng du Bắc - Việt có độ 200 ngàn người Mán.

Người Mèo — Cùng giống giòi người mán, sở dĩ người ta đặt cho họ danh hiệu Mèo có lẽ vì họ lanh lẹ, trèo leo thoăn thoắt trên các chỏm núi như mèo.

Thuộc dân tộc thiểu số Trung Hoa ở các miền Vân Nam Khoái Châu, họ bị dồn

về phương nam thâm nhập vùng thượng du Bắc-Việt giữa thế kỷ thứ 19. Dần dần họ cũng chọn các ngọn núi cao nhất để ở. Dân số Mèo ước lượng 40 ngàn người rải rác dọc biên thùy Hoa Việt. Trong số ấy, 20 ngàn cư trú phía trên sông Đà và sông Nhị.

Theo màu sắc của y phục thường dùng, người Mèo chia làm 4 loại : Mèo Do, Mèo trắng Mèo sọc rắn, Mèo sọc sớ. Bẩm tính du mục, người Mèo vẫn sống lưu động như phần do đông các dân tộc thiểu số khác. Tính họ cần mẫn, chuyên về canh nông ; trồng (á phiếu) chăn nuôi. Đàn bà lo dệt vải để tự túc, và bán ra ngoài.

Đàn ông chế vũ khí để săn bắn. Càng cường, họ thích sống độc lập, cô tịch. Xóm làng của họ toàn nhà sàn và gồm lối mười lóc nhà. Ở trên cao, khí hậu thường giá rét, nên người Mèo kém vệ-sinh, hay ốm đau. Điều này gây cho họ rất nhiều tai hại, nhất là về mùa đông, người Mèo thường bị chứng đau phổi sát hại.

Giai cấp phú-hào của họ, sống trong chế độ da thê của

thời phong kiến. Và tuy tính khi căng cường, họ vẫn không ưa chém giết, mà chỉ triệt để tự-vệ.

Về Tôn-giáo, họ thờ Lão-tử và các thần thánh khác. Dĩ nhiên; họ rất sợ thần quyền và trọn tin ở quyền lực của các thầy phù-thủy; kiêm chức lang-y.

Người Mèo chôn xác chết như người Kinh, và tang lễ không cầu kỳ như người Mường ở Thanh-Hóa. Theo tục lệ, khi có người chết, làng mạc được báo tin bằng ba phát súng hỏa-mai, bắn trước nhà kẻ xấu số. Xác chết liệm với những bó áo quần đẹp nhất, được quấn lại trong nhà 3 ngày. Áo không cài khuy, ngụ ý để linh hồn siêu thoát dễ dàng. Mắt người chết phủ, miếng vải đỏ. Có nơi người

ta cột chân một con chó và chuyễn vào đầu giấy buộc vào tay kẻ chết để chó đưa vong linh vào miền cực lạc. Nơi khác người ta cho bò liếm vào tay người tạ thế, và đem con bò ấy giết đi. Có lẽ người ta nghĩ sống bằng nghề nông, chết nên có bò để cày ruộng ở bên kia thế giới. Ma chay song, luôn trong một tháng tang gia ngày 2 buổi mang cơm ra đề cúng ở mộ như cung phụng người sống. Mặc dầu sùng kính vong nhân, người Mèo vẫn không thể lưu luyến mồ phần của thân nhân. Mỗi khi đất hết hoa màu cả bộ lạc dời đi mưu sinh phương khác là họ đành bỏ mồ mả lại. Cố nhiên đã ra đi khó lòng có dịp trở về thăm chỗ cũ.

Kỳ sau sẽ tiếp

THUẦN-PHONG



Danh-từ thường-thức

(liếp theo tập I)

Bái biệt :	Chào ai mà đi nơi khác	Salut d'adieu
Bái kiến :	Tới thăm người trên	Faire visite à un supérieur
Bái niên :	Chào mừng nhau trong năm mới ;	Souhaiter une bonne année
Bái tiếp :	Chào mà đón mời	Recevoir en sa-luant
Bại hoại :	Tan nát	La destruction
Bại hứng :	Mất hết cả hứng thú	Perdre l'inspiration
Bại liệt :	Hỏng nát	Affaiblissement
Bại lộ :	Đề tiết lộ ra	Dévoiler
Bại sự :	Hỏng việc	Insuccès
Bại ư đo dự :	Thất-bại vì không cả quyết	Hésiter c'est se
Bại vọng :	Thua mất	Perde [perdre]
Bài-ngoại chủ nghĩa :	Chủ-nghĩa phản đối người ngoại-quốc, hoặc cái gì thuộc về ngoại-quốc.	Xénéphobie
Bại vong cách-mạng chủ nghĩa :	Chủ-nghĩa của những đảng Vô-sản chủ-chương đổi đế-quốc chiến tranh thành nội chiến cách-mệnh để lật đổ chính-quyền đế-quốc. Quân-đội ở mặt trận sẽ đào ngũ quay súng bắn vào giai cấp thống-trị trong nước và đình-chỉ ngay chiến tranh với nước ngoài.	Défaitisme révo-lutionnaire
Ban-bố :	Mở to rộng rãi	Promulguer, publier
Ban cấp :	Cho giúp	Fournir, secourir

Ban công-tác :	Ban chuyên làm một việc gì	Comité d'action
Ban chấp-hành :	Trong ban có các nhân viên cử ra giúp việc gì.	Comité d'exécutif
Ban chấp-hành phụ-nữ cứu-quốc	Trong ban có các nhân viên đàn bà, con gái, cử ra giúp việc nước.	Comité d'exécutif de l'association féminine au secours national.
Ban công-tác chính trị :	Ban có nhiệm vụ về chính trị	Commission des missions politiques.
Ban hành ;	Ban phát ra một việc gì	Mettre en vigueur
Bán du mục :	Không hẳn ở chỗ nào, lang thang nay đây mai đó, không ở yên một chỗ.	
Bán đồ nhi phế :	Nửa đường mà bỏ	Abandonner à mi-chemin
Bán hậu :	Nửa sau	Seconde moitié
Bán khai :	Mở-mang được một nửa.	Demi civilisé
Bao la :	Rộng rãi	Vaste
Bao phong :	Khen và phong chức	Récompenser par une dignité
Bao quát :	Bao trùm cả	Englober
Bao thưởng :	Khen và cho thưởng	Récompenser
Bào ảnh :	Tấm bóng	Ombre et bulle
Bào dệ :	Em ruột	cadet utérin
Bào hốt :	Áo bào và cái hốt (áo chầu)	costume de la cour

Bảo trách :	Áo xiêm và áo lót	Capote et chemise
Bào trù :	Lò bếp	Cuisine
Bảo cô :	Nơi giữ trẻ mồ-côi	Entretenir des orphelins
Bảo cô viện :	Nhà nuôi trẻ nghèo và mồ côi	Orphelinat
Bảo củng :	Giữ chặt	Tenir ferme
Bảo cử, bầu cử :	Bầu người thay mặt	Elire
Bảo chứng :	Làm chứng để bảo-lãnh	Garantir
Bảo chủng :	Giữ nòi giống	Préserver la race
Bảo-dưỡng :	Giữ mà nuôi	Entretenir
Bảo-hộ :	Bênh vực, giúp đỡ	Protéger
Bảo hộ nhân-quyền hội :	Một đoàn-thể bênh vực quyền lợi người đời	Ligue de droits de l'homme)
Bảo-hiêm :	Giữ gìn sự nguy-hiêm	Assurer
Bảo-hiêm công-tý :	Hội đóng tiền để được cứu giúp khi tai nạn	Compagnie d'assurance
Bảo-hiêm xã-hội :	Luật đặt ra để giúp-đỡ thợ huyền thất nghiệp hay bị tai nạn.	Loi de protection ouvrière
Bảo hòa :	Giữ cái lành	Garantir la paix
Bảo-hóa :	Của báu	Trésor, bijoux
Bảo hoàng :	Giữ glu vna chúa,	monachiste
Bảo lĩnh :	Đảm bảo cho việc gì	Garantir)
Bảo quyến :	Bà con quý báu	Noble famille
Bảo-thủ :	Giữ ý kiến cũ không bỏ	Conservateur
Bảo tiến :	Bầu mà giới-thiệu ai	Présenter quelqu'un
Ban hôn :	Cho cưới	Permettre de se marier
Ban quản-trị	Ban trông nom về sự hoạt-động của một số một hội nào.	Comité de gestion

Ban quản-thủ :	Ban trông coi giữ-tài vật.	Ban trông coi giữ-gìn đồ-vật	Service de curatelle.
Ban thường trực :	Ban có những người ứng trực luôn luôn để làm việc gì		Une permanence de service,
Ban thường-vụ tỉnh lý :	Ban ứng-trực để thừa hành công việc của hàng tỉnh		Comité d'expédition des affaires provinciales.
Ban thường-vụ	Ban trông nom về công việc thường		Comité des affaires courantes.
Bàn bạc :	Trao-đổi ý-kiến		Se concerter, délibérer
Bàn giải :	Bàn cãi, giảng giải		Discuter, expliquer
Bàn giao :	đưa giao lại		Faire la remise du service Passer le service
Bàn hòa :	Điều đình cho hòa hảo		Traité de la paix
Bàn hoàn :	Bối-rối, ngăn trở		Embarrassé
Bàn phẩm :	Bàn xét một cách vô căn-cứ		Discussion flottante
Bản lãnh :	Sở năng của người ta trong công việc gì		Talent
Bản năng :	Năng lực riêng của mình		Aptitude
Bản quyền :	Quyền hạn về sự xuất bản		Droit d'auteur
Bản sắc :	Vẻ riêng từng người một		Caractéristique
Bản thảo :	Bản viết chưa in thành sách		Manuscrit
Bản thể, Bản chất :	Phần chiuh của một vật gì		Substance
Ban quản-trị hợp-tác-xã :	Ban trông nom về công-việc của một hội buôn chung		Comité d'administration coopérative

(kỳ sau sẽ tiếp)

PHÁP-LUẬT THÔNG-DỤNG DANH-TỪ

(tiếp theo lập 1)

Bạc phạt :	Amende
Bạc phạt dân sự :	Amende civile
Bạc phạt tô-thuế :	Amende fiscale
Bạc phạt hình sự :	Amende proportionnelle
Bản toàn sao án văn :	Expédition d'un jugement.
Bản trích sao văn án :	Extrait d'un jugement.
Bản án sao thi-hành :	Grosse d'un jugement.
Ban phụ-thẩm dân biểu :	Jury (juré)
Bản văn :	Texte.
Bản văn lập pháp :	Texte législatif.
Bản văn lập quy :	Texte réglementaire.
Bán đứt đoạn mại :	Vente définitive.
Bãi bỏ :	Abroger.
Bất khả kháng lực :	Force majeure.
Bất chính phi pháp :	Illicite.
Bị cáo : (trước tòa đại hình)	Accusé.
Bè đảng bất lương :	Association des malfaiteurs.
Bảo đảm :	Cautions.
Bị đơn; bên bị :	Défendeur, (partie defenderesse)
Biệt lưu hình : (về thượng-thẩm)	Rélégation.
Bảo thích :	Libération sous caution.
Bất động sản :	Immeuble.
Bất cẩn :	Imprudence.
Bất khả kiêm nhiệm :	Incompatibilité.
Bàng hệ :	Ligne collatérale.
Bị can (trước tòa tiểu hình)	Accusé, inculpé
Bản thuyết minh :	Mémoire de defense.
Bảo hiểm :	Assurance.

Biệt xử hình (về thượng thẩm) :	Rélégation.
Bồi thường tổn hại về dân sự :	Réparation civile (dommages et intérêts)
Bãi bỏ (di chúc) :	Révocation (d'un testament)
Bảo đảm bằng người :	Sûreté personnelle.
Bảo đảm bằng vật :	Sûreté réelle.
Bảo thị :	Notification.
Biên bản :	Procès verbal.
Biện lý :	Procureur de l'Etat.
Bị kháng :	Intimé (Appelant)
Bộ luật :	Code.
Bộ dân luật :	Code civil
Bộ thương luật :	Code de commerce.
Bộ hình sự tố-tụng luật : —	Code d'instruction criminelle.
Bộ luật tư pháp :	Code de justice.
Bộ dân sự tố-tụng-luật : —	Code de procédure civile.
Bộ luật lao-động :	Code du travail.
Bộ hình luật :	Code pénal.
Bộ nông luật :	Code rural.

e

Cảnh sát thành phố :	Police urbaine.
Cảnh sát trưởng :	Commissaire de police.
Can cữu :	Inculpé (accusé, prevenu)
Cầm-cố hình :	Detention.
Cấp thẩm :	Référé.
Cáo thị :	Affiche, annonce.
Cáo trạng :	Acte d'accusation.
Cáo tri :	Notification, Signification.
Cáo ty :	Récusation, abstention.
Căn cước :	Identité.
Con bỏ hoang :	Enfant abandonné.
Con nuôi :	Enfant adoptif.

Con ngoại tình :	Enfant adultérin.
Con đích con dòng chánh :	Enfant du 1er lit.
Con dòng thứ :	Enfant du 2ème lit
Con loạn luân :	Enfant incestueux.
Con chính thức :	Enfant légitime.
Con tự sanh :	Enfant naturel.
Con vô thừa nhận :	Enfant non reconnu.
Cố ý đả thương trí mạng :	Coup et blessures mortels.
Công-chức :	Fonctionnaire public.
Công nhận, nhận thực :	Légaliser.
Công tố viện :	Ministère public.
Công lại công chứng :	Officiers publics et minis- tériels
Cung khai :	Déposition.
Công nhiên minh bạch :	Exprès
Cưỡng bách di-dưỡng :	Hypothèques forcés.
Công-lý :	Justice.
Cự tuyệt chứng thư :	Protêt.
Cường đạo :	Vol qualifié

Ch

Chánh nhất	Pemier président.
Chánh án	Président du tribunal
Chưởng lý	Procureur général.
Chính hình	Peine principale.
Chánh phạm	Auteur principal.
Chứng thư hộ tịch	Acte de t'Etat civil.
Chứng thư thị thực	Acte certifié.
Chuyển dịch vô thường	Aliénation à titre onéreux
Chuyển dịch	Aliénation.
Chuyển dịch hữu thường :	Aliénation à titre gratuit
Chuẩn y :	Approuvé (Vu, vu et ap- prouvé)

(Kỳ sau sẽ tiếp)

DANH-TỪ QUÂN-SỰ

(Tiếp theo tập, 1)

Binh gia :	Armée.
Binh hỏa .	Fléan de guerre.
Binh kỷ :	Discipline militaire.
Binh khí sẵn sàng :	Etre sous les armes.
Binh lính :	Soldats.
Binh lực :	Puissance militaire.
Binh lương :	Intendance militaire.
Binh nhất :	Soldat de première classe.
Binh nhì :	Soldat de deuxième Classe.
Binh phi :	Dépenses militaires.
Binh-phục ;	Uniforme.
Binh quyền :	Pouvoir militaire.
Binh-sỹ :	Militaire.
Binh sở :	Etablissement militaire.
Binh trang :	Equipement.
Binh độ :	Niveau.
Binh tĩnh ngoài mặt trận	Être ferme au feu.
Binh nước :	Bidon.
Binh độ vòng :	Courbe de niveau.
Binh tuyến giác :	Angle de tir.
Binh-trị :	Pacifier.
Binh thư :	Livre de guerre.
Binh vận :	Le sort des armes.
Binh xá :	Casernement.
Binh xưởng :	Arsenal.
Bỏ súng :	Abandonner ses armes.
Bỏ súng đầu hàng :	Déposer; rendre ses armes.
Bóc lon (lột lon)	Cassation.

Bóc lon một võ quan :	Casser un officier.
Bộ binh :	Fantassin, Infanterie.
Bộ chỉ-huy :	Le commandement.
Bộ đội :	Troupe, (Colonne de route)
Bộ đội bạn :	Troupe amie.
Bộ đội chính-quy :	Troupe régulière.
Bộ đội chủ lực :	Le gros de force.
Bộ đội dự chiến :	Armée de campagne.
Bộ đội địa phương :	Troupe régionale.
Bộ đội đặc biệt :	Troupe dense.
Bộ lưu-động :	Troupe volante, troupe mobile.
Bộ đội thao chiến :	Troupe d'élite.
Bộ máy hành-chính quân-sự : -	Le gouvernement militaire.
Bộ pháo binh :	Artillerie à pied.
Bộ phận phát hỏa :	Allumeur, dispositif de feu.
Bộ quân luật :	Code militaire.
Bộ tuần tiêu :	Sentinelle.
Bộ tư-lệnh :	Etat-Major.
Bố - trí :	Prendre position.
Bố-trí hỏa lực :	Disposer le système de feu.
Bộ tham mưu của tướng tổng chỉ-huy : —	Etat-Major général, commandant en chef.
Bổ xung :	Compléter.
Bổ-xung hỏa lực :	Perfectionner le système de feu.
Bờ sông	Berge.
Bốc cháy :	S'enflammer.
Bộc được :	Charge d'explosif,
Bộc lôi :	Explosif.
Bộc lôi mạnh :	Explosif à grande puissance.
Bộc lôi phá :	Explosif brisant.
Bộc phạt :	Exploser, Eclater
Bom nổ chậm :	Bombe à retardement.

Bồng súng chào :
 Bom lửa :
 Buộc phải đổ ;
 Bức - kích - pháo ;
 Bình biên ;
 Bố-trí chiến-dấu :
 Bố-trí hành quân :

Présenter les armes
 Bombe incendiaire.
 Atterrissage forcé.
 Mortier,
 Maquis.
 Dispositif de combat.
 Dispositif de manoeuvre.

e

Cá nhân chiến - đấu :
 Càn quét :
 Cáng :
 Cảnh giới :
 Canh phòng :
 Canh phòng :

 Canh phòng gấp đôi :
 Cánh quạt :
 Cảnh vệ dân quốc :
 Cảnh vệ dân quân :
 Cao độ :
 Cắm lều trại.
 Cắm trại đóng quân :
 Căn cứ :
 Căn-cứ hành quân :
 Căn-cứ hỏa-lực :
 Căn cứ không quân :
 Căn cứ quân sự :
 Căn cứ tiền tuyến :
 Căn-cứ tiếp tế :
 Căn-cứ xuất hành :
 Căng lều :

Combat individuel
 Opération de nettoyage.
 Civière.
 Patrouille:
 Monter la garde.
 Faction — Faire la garde —
 Etre de garde,
 Doubler la garde.
 Helice.
 Garde république.
 Garde républicaine.
 Niveau, Côte, Altitude.
 Barraquement.
 Barraquer des troupes.
 Base.
 Base d'opération,
 Base de feu.
 Base d'aviation.
 Base militaire.
 Base avancée.
 Base d'approvisionnement.
 Base de départ.
 Monter ou tendre une tente.

PHẦN VĂN-NGHỆ

THÂN THỂ VÀ VĂN THƠ

Cụ Tam-Nguyên Yên-Đỗ Nguyễn-Khuyến

(tiếp theo tập I)

Nói đến sự đi học, đi thi, của cụ TAM-NGUYÊN-YÊN-ĐỖ, tức là nói đến tấm gương kiên-nhẫn, đáng để cho các học sinh soi chung, và chẳng khỏi khiến các độc-giả phải ngậm ngùi những ái ngại thay cho cái cảnh cơ-hàn của một nhà nho trong lúc thiếu thời.

Số là, sau khi thi đậu thủ-khoa, cụ TAM lại còn phải trải qua bao sự phong-trần, mới tới được ngày ấn-tứ vinh-quy, danh-tiếng vang-lừng trong nước. Vì, khi chưa đỗ, thì một ông Đồ, rẽ tìm nơi dạy học, để có nơi nương tựa mà học-hành thêm, và cung đỡ ít-nhiều cho gia-đình. Nay đã nên danh một bậc Thủ-Khoa, thì còn ai giám mời về nhà, dạy trẻ? Ai cũng tự nghĩ: « Nuôi một ông Thủ-Khoa nào phải chuyện dễ,

như nuôi một ông đồ. Nào dạy học, coi nhà, lại kiêm cả việc trông nom con cháu nhỏ.

Bởi thế sinh-kế của Cụ trong lúc này, lại càng thêm khó. Thạn ôi! Nhà đã nghèo lại gặp năm Quý-Ty, đồng trắng, nước trong, Cái cảnh gạo châu, củi què hàng ngày phổ-diễn. Đứng trước mọi sự thiếu-thốn của gia-đình, Cụ, TAM đã tưởng phải đem cái danh-hiệu Thủ-Khoa ra làm kế sinh-nhai, mà bỏ phí cả sự học-hành. Nhưng cụ Cố-Bà, thân-mẫu cụ TAM, nhất định can-ngăn, và nói « Nhà ta vốn nghiệp nho, Tiên-công đã nói trong bài di-chức: » (Bất dụng khuông tương kim hậu di, Trục tương cơ trử, cầm gia truyền) nghĩa là không cần có nhiều vàng bạc để cho con cháu, mong sao nuôi được con cháu học hành,

theo đòi chỉ-hướng của ông cha ».

Cho mãi đến năm Tân-Vy, có kỳ thi Hội, Cụ định sắp sửa vào Kinh ứng thí, thì lại thiếu cả đến tiền lộ-phí. Cụ Cố-bà phải chạy quanh dặt mượn, hết làng nọ sang làng kia, cũng vẫn chưa đủ. Vì cuộc hành-trình từ hạt Hànam, (Bắc-Việt) tới Kinh-Đô Huế, lộ-độ đạo-viễn, nào phải đường gần ? Cụ đương lo nghĩ thì bỗng có người bạn vừa tới qua thăm, thấy Cụ Tam đã sắp lều, chõng nhưng còn thiếu tiền lộ-phí đăng-trình, ông bạn, liền ngỏ ý muốn được theo cụ vào Kinh, xem thi, và xin giúp đỡ các khoản phí dụng, mặc dầu Cụ Tam chưa tiện nói rõ (ông bạn này đã được Cụ Tam giúp đỡ khi trước).

Xong trong sự không dự-định trước, thì số tiền sẵn có của bạn, chắc là cũng chẳng được là bao. Nhưng Cụ cũng mừng có bạn đồng hành.

Chờ mãi không thấy Cụ Cố-Bà về, mà ngày thi gần tới. Cụ Tam và ông bạn này đành lều vác lều chõng ra đi. Vừa ra khỏi đầu làng, thì gặp Cụ

Cố Bà về. Trông thấy con, cụ Bà chỉ kịp ứa hai hàng lệ, vì sự không mượn được đủ, lộ-phí, cho con đi thi. Sau cụ cũng mừng, có bạn cũ giúp-đỡ, mà tam yên lòng, thấy con đã có người bạn đồng-hành. Cụ cố liền dỡ hầu bao, đếm được 15 quan tiền kềm ra đưa cho Cụ Tam.

Ôi ! Mười lăm quan tiền kềm, với cuộc hành-trình vào Kinh, đường dài mấy trăm cây số, sao đủ chi-dùng. Nhưng muốn cho yên lòng mẹ, Cụ Tam đành gạt nước mắt lạy chào ra đi.

Biết bao tân khổ, chi quản gian-lao, cụ Tam và ông bạn, anh em kẻ xách người mang, qua Nam-Định, Ninh-Bình rồi tới Sùng-Sơn. Hai cụ vào quán nghỉ chân và ra chiêm bái đền thờ bà Liễu-Hạnh Công-chúa ở Đền-Sòng, Cụ Tam vào lễ xin thẻ, có câu « *Nguy nguy độc bộ hương vân gian* » Nghĩa là (vòi vọi thẳng bước, tiến tới khoảng mây) Ông bạn cười mà rằng : Bà chúa thiêng thật, vì nay mai chúng ta sẽ qua đèo Hải-Vân, (Đèo mây lối vào Kinh-Đô Huế) Nhưng Cụ Tam thì tự cho rằng khoa này, thế nào cụ cũng đỗ cao,

vì vẫn có nghĩa là bước thang mây. Ngót một tháng gió, hai cụ cùng nhau vạch lau, tìm lối qua vùng Ngộ-An, Hà-Tĩnh, Quảng-Bình, Quảng-Trị, rồi tới Thừa-Thiên.

Tới nơi, vừa tiết trọng xuân núi Ngự bao la, sông Hương quanh quẩn, non nước hữu tình, cỏ hoa hơn hở, đón chào những bậc văn-nhân, tài-tử từ Bắc chí Nam, sắp sửa ra tay tranh khôi, đoạt giáp.

Nhưng, những cảnh vật sinh tươi đó, hình như chỉ dành riêng cho những bậc công-tử vương tôn, sinh-trưởng ở nơi gác tía, lầu hồng mà những hững hờ với các nhà Nho thauh-đạm. Thực vậy, khi cụ Tam và ông bạn tới chốn Trường-an, đi tìm nhà trọ, thì chỗ hàng quán cao sang, đã hầu chật ních, đến nỗi các tửu-quán không còn đủ chỗ để tiếp các khách hàng.

Hai cụ đành ra tận ngoài bến Ngự mới kiếm được nơi nghỉ trọ. Trong mấy ngày đầu, những sự vui cười, du ngoạn của các bậc công-tử vương tôn đã làm náo-động cả chốn Kinh-thành. Ngờ đâu qua mấy kỳ thi, những người thi trượt ra về đã vãn, chỉ còn số người

ở lại, đợi nghe xướng danh. Những nơi tửu-quán đã lại trở lại bình tĩnh như xưa.

Thấy đã thừa khách, ế hàng các chủ quán đã phải ra tận gần trường thi đón khách. Lúc đó cụ Tam mới được chủ quán đón dãi mời chào. Muốn cho được gần trường, tiện nghe tin tức, Cụ Tam và ông bạn từ biệt căn nhà úp xúp ở bến Ngự, đến trọ một căn nhỏ lộng lẫy, ở ngay gần cầu Đông-Ba. Thi đã xong, văn viết chạy, cụ Tam cầm chắc là không bị bỏ rơi, để phải trở về, với một danh-hiệu thủ-khoa như cũ.

Cụ đã thấy vui lòng về những câu văn đặc sắc. Rồi đây sẽ không phụ lòng mong mỏi của mẹ già, gần bảy mươi tuổi, đương ngóng tin con. Nên trong khi chờ đợi xướng danh, cụ đi du ngoạn các nơi danh sơn thắng tích. Một hôm, Cụ Tam đến thăm cảnh một ngôi chùa cổ ở ngoài Kinh-thành, đi đường quá mệt, vừa ngả lưng nằm nghỉ, thì đã thấy ông bạn đồng-hành, vội vã đi tìm về nghe xướng danh. Khi về tới gần cửa trường

tiếng loa hãy còn văng vẳng :
Tên người đỗ đầu trong kỳ
thi hội, chính là tên cụ.

Nghe xướng danh xong, cụ về nhà trọ, thu xếp bút nghiên, đề chờ ngày thi Đình (Kỳ thi cuối cùng trong điện nhà Vua). Người chủ quán cũng hăng thư sinh lỗ bước, hăm mộ nhân tài, ưng xin giúp đỡ cụ Tam : nào khăn nào áo, nào phí dụng, đề vào thi Đình. (Sau này cụ Tam làm Bổ-Chánh Quảng-Nam đã trả ơn người chủ-quán đó một cách rất hậu).

Qna kỳ thi Đình, cụ Tam lại đỗ đầu lần nữa, nên được nhà vua ban mũ áo, và cờ biển có viết hai chữ « Tam-Nguyên » nghĩa là ba lần đỗ đầu và ân-tứ vinh-quy.

Về quê ít lâu, cụ tiếp được Chỉ của Triều-Đình sơ bổ Đốc-học Thanh-hóa. Nhờ sự giảng ruy chuyên cần của cụ, mà học trò thành đạt rất nhiều. Các văn-sĩ thuộc những vùng Hà, Nam, Ninh và Thanh Nghệ, Tỉnh đến tập rất đông.

Chẳng bao lâu vì chính thanh tốt, Cụ được thăng bổ Án-sát tỉnh ấy, năm sau cải bổ Án-Sát Nghệ-An, rồi thăng Bổ-

Chánh Quảng-Nam, Quảng-Ngãi.

Tuy là một văn-quan nức tiếng hay chữ khắp chốn Kinh Kỳ, nhưng khi sung chức Bổ-Chánh, cụ đã tỏ ra một người mẫn-cán thao-lược hơn người. Mấy lần tiểu Phỉ, đều dẹp yên được. Trong sự chấp đạo an-dân, Cụ là một bậc có tài. Cụ đến trọng nhậm hạt nào đã khéo dèm lời phủ-du dân-chúng, khuyên dân làm ruộng giồng giàu, dệt vải, và nghề chăn nuôi. Ai ai cũng được an-cư lạc-nghiep. Những người đã trót lầm đường, lỗ bước cũng cải tà quy chính.

Vì chính - thanh tốt, nên Triều-Đình cử sung Sứ-quán Toàn - Tu, hồi này cụ đã soạn được rất nhiều sách quý.

Trông nom công việc soạn sách được mấy năm, gặp hồi nước nhà hữu sự, cần phải giao hảo với Trung-Hoa, nên Triều-Đình cử Cụ và cụ Lạng-Bình Tuần-Phủ Lã-Xuân-Oai sung Thiên-Tân hậu mệnh. Khi đã làm tròn sứ-mệnh, cụ được cử quyền Sơn-lừng- Tuyên-Tổng-Đốc.

Nhưng hồi đó, gặp khi quốc-biến, người Pháp đương sắp đặt cuộc đô hộ tại Việt-Nam,

Cụ thấy tình thế khó lòng cứu vãn, và thấy các bạn đồng-liêu như cụ Nghè Nguyễn-Kham, cụ Nghè Nguyễn-Xuân-Ôn đã đều tử tiết, nên cụ lấy cớ đau mắt, cáo quan hồi hưu mượn cảnh điền-viên mà ẩn dật ; lấy sự đào luyện nhân-tài làm phận sự, cho nên học-trò các tỉnh lại đến thụ nghiệp rất đông.

Nhưng than ôi ! Khi về tới chỗ cố viên, vẫn hoàn hai bàn tay trắng, tiền bạc đã không, ruộng vườn chẳng có, đến nỗi cụ vẫn phải lẩn-khuất trong chiếc nhà gianh, ông cha lưu lại. Các bạn hãy đọc bài thơ của cụ sau đây, đủ rõ

Năm gian nhà cỏ thấp le-te.
Ngõ tối, đêm khuya đóm lập loè.

Lưng dậu phất-phơ, màu khói nhạt.

Làn ao lóng-lánh, bóng giăng xoe.

Da gòai ai nhuộm mà xanh ngắt ?

Mắt lão không viền cũng đỏ hoe.

Rượu tiếng rằng hay, hay chẳng mấy.

Độ năm ba chén đã xay nhè.

Cáo lão nghỉ nhà, dạy học trò, làm thơ văn cho khuấy nhiễu;

cơn ưu-niệm Cụ buồn, buồn đến nỗi đã biểu-lộ tâm sự trong mấy vần thơ sau :

Ngần ấy năm nay vẫn ở nhà.
Nghĩ ta, ta lại chỉ thương ta ;

Xin coi hai bài thơ chữ và nôm ở trang 71.



Vì biết tiếng Cụ học trò các tỉnh đến học rất đông, từ Trung chí Bắc, học trò của Cụ thành đạt rất nhiều. Như các ông : Hoàng-Mạnh-Trí, sau làm Tổng-Đốc, Hoàng - Thúc - Tự sau làm Thương-Tá, Đoàn-thuy-Liên, Lê-Khiết, sau làm Án-Sát V...V...

Hồi này, các bậc văn thân các nơi lui tới rất đông, như Cụ nghè Giao-Cù Nguyễn-Hữu-Lợi, Cụ Phan-Đình-Phùng và các nhà có tư tưởng cách-mệnh cũng tới thăm cụ luôn luôn. Nhân sự võ lữ của Hội Đông-Kinh - Nghĩa-Thục, Cụ bị các nhà cầm quyền lúc bấy giờ

Thấy Cụ là người trung trực, lại là một bậc có công với nước, Vua Tự-Đức có ban tặng Cụ câu đối sau đây :

*«Thịnh đức, mậu công, truyền
chi bách thế ;*

*«Thần trung, tử hiếu, duy
thử nhất tâm»*

Xin tạm giải nghĩa :

Đức dày, công lớn, truyền
muôn thuở,

Con hiếu, tôi trung, trọn
tấm lòng.

Ngay đến khi Cụ gần lâm chung, tấm lòng liêm khiết của Cụ đã biểu lộ rõ trong bài di-chức, chữ Hán, mà sau này có nhiều nhà nho đã diễn ra nôm. (các bài nôm dịch thơ trị mệnh, là sau này mới dịch, Cụ Tam chỉ làm có bài chữ Hán thôi).

Lăng Cụ hiện nay ở núi Bảo-Đài, thuộc làng Ngổ-Xá, Huyện Ý-Yên, tỉnh Nam-Định, trong lăng còn thấy có nhiều câu-đối của các thân bằng, và các vị môn-sinh của Cụ. Thuật giả nhớ được mấy câu, xin biên ra sau :

Câu đối của Cụ Thượng Thư Văn-Đình Dương-Khuê :

Ngọc - Hoàng án lại, long khứ vân tức hoàn, tam thập tải điền viên, tính tự mỗi xưng tiền Tiến Sĩ.

Thái-Bạch hào tình, bồi khuynh ngâm diệc tự, sở bách thiên phong nhĩ, sinh bình tối ức lệnh danh công.

DIỄN NGHĨA

Dưới ngọc bệ, tỏ mặt văn thần, mây tan rồng lặn, ba mươi năm, trải thú điền viên tên tuổi chỉ xưng tiền Tiến-Sĩ.

Trên kim tinh nổi tài thi-bá, rượu rót thơ đề, mấy trăm trang nên câu phong nhĩ, bình sinh vốn trọng lệnh danh công.

Câu đối của Cụ Tổng-Đốc Nam-Định Hoàng-Mạnh-Tri :

Nhã vọng đầu sơn tôn; thiên giả dĩ tuế niên vi ngô đạo kế;

Đại đồng tùng bách tú, đế gia kỳ thao lý, hữu cổ nhân phong,

DIỄN NGHĨA

Đức tựa đầu-sơn cao, tuổi tác ơn gời truyền đạo thánh;

Đồng về tùng bách tốt, văn chương nét đất đẹp lòng vua.

Câu này của Cụ Án-Sát Nam-Định, Đoàn-Thụy-Liên, (Học-Trò Cụ-Tam)

Tá bệnh khát hồ sơn, chỉ
hũn cục tùng năng giải ý ;

Ngưỡng chiêm tịnh tịnh
đầu, vị ứng phong nhã độc
truyền danh.

Xin tạm diễn nghĩa như sau :

«Khéo mượn bệnh từ quan,
tắc dạ non sông, tùng cục
biết ;

Há riêng lòng nhã độ, Ngồi
sao tinh đầu nước nhà trông ».

Câu sau đây của các Quan
đầu tỉnh Hà-Nam :

« Quế-lĩnh yên-vân hoàn
lục trúc ;

Bảo-Đài phong nguyệt hộ
giai thành ».

Xin tạm diễn nghĩa :

« Quế-Lĩnh nghìn thu, khói
biếc, mây xanh lồng bóng
trúc ;

Bảo-Đài một năm, giăng
trong gió mát, đượm thành
hoa ».

*Chú-thích : Quế-Lĩnh : là biệt
hiệu của Cụ Tam ; Bảo-Đài,
tên trái núi ở làng Ngô-Xá
có lăng Cụ Tam.*

(Kỳ sau sẽ tiếp)

VY-KIỀU sao lục



CHÙA SƯỞI

NÚI LĂNG

NÓM NÚI

Lăng Cụ Tam-Nguyên Yên-Đồ Nguyễn-Khuyến
ở làng Ngô-Xá, (cạnh chùa Suối, thuộc hạt Ý-Yên, Nam-Định)

**Thơ nôm Cụ Tam-Nguyên Yên-Đồ
Nguyễn-Khuyến (1835-1911)**

(Xem Tiểu-truyện ở Tập I)



Ảnh Cụ Tam-Nguyên khi đã từ quan

Về văn-thơ, Cụ Tam Nguyên Yên Đồ thường làm những bài thơ chữ Hán, có diễn quốc âm, những câu cầu kỳ, gọt, rửa thì không, mà câu bốn, cột, dạn, cuời, hoặc có, chẳng qua cũng một thú riêng tiêu khiển, cho khuấy những cơn ưu niệm trong lúc giăng hồ.

Cụ có viết tập thơ Quế-Sơn, chữ Hán, và một ít thơ nôm để lại, nhiều bài các báo, sách đã sao lục, in ra, nhưng có nhiều bài sai lầm, lại có nhiều bài tất là không phải.

Ngụy bản, loạn tran, thực là nhiều lắm.

Nay bản-quán sao lục, in lại cả những bài mà các báo, sách đã in sai, và có chú thích lược giải, đề công hiến các bạn Độc-Giả. Mong các bạn nên lượng cho rằng : Tác-giả là

người thế nào ? Thời đại ấy là thời đại nào ? Văn quốc âm của tác-giả có phải là văn-chương chương ý không ?

Xem bài tự vịnh, có câu :
« Lúc Lừng, uống thêm dấm chén rượu ;

Khí buồn ngâm láo mấy vần thơ »

Thì đủ rõ, thơ quốc âm của Tác-giả cũng không có nhiều, mà những bài giả thác kia, không biện đủ rõ.

Nay cứ nguyên tác in ra, không giám thêm mà không giám bớt. Những cây tùng' bách thì hay tươi tốt về mùa thu, đông, mà các thứ hoa khác, thì hay 'dua nở về mùa xuân, hạ. Hương thơm, sắc đẹp, phẩm giá theo thời vậy.

(Viết tại Yên-Đồ ngày 5 5-1954)
VỊ-KIỀU CẦN CHÍ.

Thơ đường luật

(vừa chữ, vừa nôm)

Thơ Chữ Hán :

Mạn hứng

Đô môn nhất xuất, toại qui điền,
Bần bệnh niên lai, độc tự lân.
Song nhật ám di hồng ảnh cận.
Trúc phong bất nhượng bạch đàn tiên
Bá ương nô lão, tri hòa cước ;
Trạc cốc nhân hồi, dẫn đầu niên.
Thừa hứng chỉ duy tôn, tửu đích,
Nam sơn bằng điều chỉnh du nhiên /

DIỄN NÔM

Chợt hứng

Ngần ấy năm nay, vẫn ở nhà,
Nghĩ ta, ta lại chỉ thương ta.
Bóng hiên thêm ngán hơi nồng nhĩ ;
Ngọn gió không nhường tóc bạc a.
Thửa mạ dạch dòi, chân xấu tốt ;
Đầu lương đo đẵn, tuổi non già.
Khi buồn chén rượu say không biết,
Ngửa mặt lơ mờ ngọn núi xa !

CHÚ THÍCH : Thửa mạ : Thửa ruộng cao đề reo mạ giống.

Chân xấu tốt : Thửa ruộng xấu, thửa ruộng tốt.

Đầu lương : ở chữ đầu thăng, (lương nhà vua cho)

CÂU 7 8 Ý NÓI : người say rượu mắt mờ, lù lù ngọn núi cao trước mặt trông cũng không rõ.

LƯỢC GIẢI : Mấy năm về nghĩ, mình lại thương mình. Bóng hiên chênh chếch nắng rất vắng hồng ; Gió trúc hiu hiu, nề gì tóc bạc. Đã quen nghề làm ruộng, nên thửa mạ xấu tốt, biết rõ rạch ròi.

Cáo quan nghĩ nhà, ngồi buồn chỉ có chén rượu làm vui, nhưng khi đã quá say, thì rù ngọn núi cao lù lù, cũng không trông thấy.

Ước Long-Đội Sơn

Nhị thập niên tiền phỏng thượng phương
Thử thời cảnh sắc vị tương vương.
Bán không tỉnh phạm giao tình nguyệt;
Lịch đại tàn bi chứng hải tang.
Bình đã thiên thôn tam diện hợp;
Không sơn vạn phật, nhất tăng tàng.
Chỉ kim độ hận trường giang cấp;
Nhật dạ bồn đào diệp đáo dương.

Thăm núi Long-Đội

Hai mươi năm cũ, lại lên đây,
Phong cảnh nhà thiền, vẫn chữa khuây.
Chiếc bóng lưng trời, am các quanh;
Mảnh bia thuả trước, bề dẫu đầy.
Le te nghìn xóm, quanh ba mặt;
Lổ nhổ muôn ông, lẫn một thầy.
Nghĩ lại bức cho dòng nước chảy,
Đi đâu mà chạy cả đêm ngày.

CHÚ THÍCH: Long-Đội sơn tức là Núi-Đội, ở hạt Duy-tiên, tỉnh Hà-nam.

Nhà thiền: nhà chùa;

Muôn ông, một thầy: muốn ông phật; một thầy tăng.

LƯỢC GIẢI: Hai mươi năm trước đây, ta đã lên chơi trên Núi này. Phong cảnh nhà chùa, ngày trước thế nào, nay ta vẫn còn nhớ!

Chùa xây gần ngọn núi, nên bóng chùa như treo trên lưng trời. Vì chùa ở cao; nên cảnh vắng;

Trước mặt Chùa có bia dựng từ đời cổ, tấm bia đó đã trải qua bao phen dẫu bề rồi.

Đứng trên núi trông xuống thì nghìn xóm dân cư, nhà cửa le te, bao quanh ba mặt. Trong Chùa lỗ nhổ hàng muôn pho tượng phật; mà chỉ có một thầy tăng tu hành ở đó.

Thôi, cảnh đây, người đây, trước sao sau vậy, chỉ riêng dân cho dòng nước sông kia, chảy suốt đêm ngày, ra giáng vội vàng. Ôi giống nước kia chảy đi đâu, mà chảy gấp thế, tưởng cũng chỉ chảy ra đến Bề là cùng, chứ còn chảy đi đâu nữa?

Một bài tả cảnh, như một bức họa thiên nhiên, lại riêng tỏ được nỗi cảm hoài. Đó thực là một bài thơ kiệt tác. Bài chữ Hán, và bài Quốc-văn đều chỉnh và hay.

Ca - tịch

Thanh ngâm, nhất khúc kỷ hồi văn,
Bán nhập giang lưu, bán nhập vân.
Khứ Tấn dĩ ứng lân Tĩnh-tiết ;
Xuất Hồ, thùi phục ức Chiêu-Quân.
Ngọc quan triết liễu nan vi diệu ;
U kính tài lan, chỉ tự phân.
Thán tức giai nhân đa bất ngộ,
Thanh đăng đối trước thả ân cần



Tiệc - hát

Một khúc đêm khuya, tiếng đã trầy,
Nửa chen mặt nước, nửa từng mây.
Nghĩ mình vườn cũ, vừa lui bước ;
Ngán kẻ phương giờ, chẳng dứt giây.
Bể liễu, thành giai, thôi cũng xếp ;
Giồng lan, ngõ tối, ngát nào hay.
Tù xưa mặt ngọc ai là chẳng,
Chén rượu bên đèn, luống tỉnh xay.

CHÚ THÍCH. -- Tiầy là lâu. Vườn cũ lui bước là cáo quan về nghỉ nhà.

Mặt ngọc ý nói những người có tài, bay eo sắc.

LƯỢC GIẢI : Bài này, Cụ Tam viết trong khi đã cáo lão về nghỉ nhà.

Đêm khuya nghe khúc bát thanh tao, mà mình đã từng nghe qua. Tiếng hát ru-dương, nửa chen mặt nước, nửa ngất từng mây, khiến mình tự nghĩ ngay mình vừa lui bước về vườn cũ, mùi tục lụy đã hầu khuấy, lại ai ngại thay cho kẻ, phương trời lặn đạn, chưa dứt to-tình.

Thôi thì, những truyện bể liễu chốn thành giai, giồng lan trong ngõ tối hương ngát ai hay, ta hãy tạm xếp một nơi, vì, xưa nay vẫn thế, những gười tài, sắc, thường gặp những sự không may.

Bây giờ tình cờ gặp nhau, trong buổi tiệc hát thì chén rượu bên đèn chúng ta hãy tạm cùng nhau say tỉnh. cho khuấy những cơ ưu niệm.

Thơ bạn gửi thăm

(DIỄN NÔM RA CHỮ)

Ngắt ngưỡng kia ai đội mũ ni,
Rấp danh nhưng cũng chữa qua thì.
Chuyện đời những muốn hai tai lấp ;
Nợ nước còn mang chín khúc ghi.
Bề bạc biết đâu, kẻ bến đậu ;
Lòng son hồ rẽ, kiếm đường đi.
Mấy lời kính gửi thăm Quan Cự,
Thông thả rồi ra gặp có khi .

CỤ TAM DIỄN RA CHỮ HÁN

Nga nga thù chước lão tăng quan.
Dục giác trần duyên vị quá quan.
Thế sự hà năng song nhĩ tắc ;
Quốc ân do kỷ thốn tâm đan.
Hứa đa ngân hải, siêu phạm lỗ
Tuyệt thiếu châu lung, trấn vũ hàn.
Trân trọng nhất thư, ký tương vấn.
Tương kỳ tảo văn riệc tương hoan.

LƯỢC GIẢI. — Trông thấy ai ngắt ngưỡng, đội chiếc mũ ni, (Đời trước các Cự già, hay đội mũ ni, nên có câu mũ ni che tai) mình cũng rắc danh được cảnh an nhàn như thế, nhưng lại chưa đến tuổi về hưu.

Truyện đời chán ngán, muốn lấp hai tai ; Nợ nước nặng nề, còn ghi tắc dạ. Biết đâu nơi bề bạc, mà ghé thuyền vào ; Còn ở trong lòng son, không cắt cách nôi.

Trông người thôi lại ngẫm mình, xin hãy tạm gửi mấy lời. Kính thăm Quan Cự, rồi đây, tôi mong nay mai ; sẽ có dịp được tới hầu truyện.

Thơ nôm Cự Tam-Nguyên Yên-Đỗ

Tự-Thọ năm Mậu-Thân (1909)

Năm nay tớ đã bảy mươi tư,
Răng lão, răng quan, tớ cũng ừ.
Lúc hứng uống thêm dấm chén rượu ;
Khi buồn ngâm lão mấy vần thơ !

Bạn già lớp trước, nay còn mấy ;
Truyện cũ mười điều, chín chẳng như.
Cũng muốn sống thêm dăm tuổi nữa,
Thử xem giờ mãi, thế này ư.

CHÚ-THÍCH : Truyện cũ mười điều chín chẳng như, dịch ở câu chữ Hán : « Thế sự bất như ý, thập thường bát cửu. » Nghĩa là : Phàm việc ở đời, mười điều thì có đến tám chín điều, không được như ý muốn của mình.

LƯỢC GIẢI : Năm nay ta đã bảy mươi tư rồi,

Người bảo ta là ông lão, ta cũng ừ.

Người bảo ta là Quan ta cũng gật.

Lúc cao hứng ta sẽ uống một vài chén rượu ; Lúc buồn ta ngâm lảo một vài câu thơ, cho khuây sự buồn

Bạn già cùng lớp tuổi với ta, nay đã mất cả, chả còn lại mấy người ; Truyện cũ, thì trong mười điều, có đến chín điều chẳng được như ý.

Ta cũng muốn sống thêm dăm tuổi nữa, để xem, có lẽ đâu mãi như thế này.

Bài này, cụ viết trong lúc từ quan, về nghỉ nhà, gặp phải buổi đời loạn lạc, Cụ buồn và Cụ mong, xem có lúc nào được thái-bình không hay cứ thế này mãi.



Lên núi Yên-Lão

Mặt nước mông mênh nầy một hòn.

Tiếng già nhưng núi vẫn là non !

Mảng cây thưa thớt đầu như trọc.

Tầng đá cheo-leo ngấn chứa mòn !

Một lá về đâu xa thăm thẳm ;

Nghìn làng trông xuống bé con con.

Tiếng già già chứa hơn ta nhĩ

Chống gậy mà lên gối chứa chồn.

CHÚ THÍCH : Lá, đây nghĩa là chiếc thuyền, chồn là mồi.

LƯỢC GIẢI : Dữ cánh đồng nước mênh mông, có một quả núi, gọi là Yên-lão Sơn. Mới nghe tiếng lão, tưởng là núi đã già tuổi lắm, nhưng núi thường gọi là núi non, thì sao lại già được.

Ngon núi cây cối thưa thớt, trông như đầu trọc, mà đá xếp từng đợt, có ngấn, xưa nay vẫn còn.

Đứng trên đỉnh núi trông xuống xa xa thấy có một lá thuyền trôi, không biết trôi về đâu, trông xuống chân núi, thì có đến nghìn làng, bé nhỏ, cảnh trí thiên nhiên. Càng thêm ngoạn mục.

Núi tuy già, nhưng cũng không hơn ta mấy, vì núi tuy cao thật nhưng ta còn chống gậy lên chơi, không thấy chồn chân.



Châu-chấu đá voi

Châu-chấu làm sao giám đá voi;
Đứng xem ai chẳng bật như cười.
Suy soe nhầy lại dương hai vế;
Ngựa ngầy không hề động tí đuôi.
Say tỉnh cuộc này ba chén rượu;
Được thua chuyện ấy, một trò chơi,
Cả gan cũng sợ cho mình nhĩ;
Theo dõi còn hơn một lũ ruồi.

LƯỢC GIẢI. — Voi to, châu chấu bé, thế mà chấu giám đá voi. Ai trông thấy, chẳng phải bật cười.

Châu chấu suy soe dương hai vế, nhầy đá nhưng voi có thấy ngựa ngầy, động đến tí đuôi đâu.

Tỉnh say ba chén rượu, coi thử cuộc này; Thua được một trò cười lạ thay chuyện đó, nhưng cũng đáng khen thay cho châu chấu giám cả gan không kể mình là bé nhỏ, việc đá cứ đá, cốt sao cho thỏa chí mình là được.

Nếu đem so sánh châu chấu với bọn ruồi nhặng kia, chỉ vo ve theo dõi con Voi, chịu ngửi cái mùi hôi bẩn, thì châu chấu còn hơn bọn ruồi nhặng kia nhiều. Hơn ở chỗ cả gan, giám làm đó.

Du-xuân vịnh

(THANH-TÂM LỤC ĐỀ TỜ)

Vì chẳng vui chơi hội Đạp-thanh.
Làm sao mang lấy nợ ba-sinh !
Kể còn, người khuất, đòi hàng lệ :
Trước lạ, sau quen, một chữ tình.
Nghĩ đến tuổi vàng thương mệnh bạc ;
Nỡ nào lá thắm phụ xuân xanh .
Trong khuôn tài sắc trời hay ghét .
Vẫn lối xưa nay chả một mình.

CHÚ THÍCH : Đạp thanh : Hội đi tảo mộ trong tiết thanh : mình của người Tầu .

Ba sinh : Ba đời thác sinh làm người đều gặp nhau, do câu « Tam sinh thạch thượng nhận tiền duyên » .

Người khuất : trở Đạm Tiên .

Suối vàng theo chữ Hán : Hoàng-tuyền .

Lá thắm theo chữ Hán : Hồng riệp .

CHÚ GIẢI — Nếu Kiều không đi chơi hội Đạp thanh, thì sao có gặp Kim-trọng để đeo nợ ba sinh. Vì sao mà Đạm-Tiên, thấy người năm đó biết sau thế nào, cảm thân thế mà rơi hàng lệ gặp chàng Kim Trọng biết có duyên gì vì sắc tài mà vương mối lụy nghĩ thương người mệnh bạc đã nằm dưới suối vàng, phụ tuổi xuân xanh, bỏ qua thì lá thắm. Nhưng xưa nay vẫn thế, sắc tài càng lắm trời đất càng ghen, chẳng một mình ai đã mang lấy kiếp hồng nhan. Làm cho cho hại cho tàn cho coi.



Viên-ngoại ngộ biến

Chú bán tơ dẫu dở-dối ra.
Đề cho bạn đến cụ viên già.
Muốn xong phải kiếm ba trăm lạng ;
Khéo xếp dành liềm một chiếc thoa.
Đón khách mượn màu son-phấn mụ ;
Bán mình chước lấy tội tình cha.

Có tiền việc ấy mà xong nhỉ ?
Đời trước làm quan cũng thế a !

CHÚ GIẢI — Vì chú bán tơ vụ oan, đến nỗi Vương-Viên Ngoại bị bắt tình nghi, có ba trăm lạng, việc này mới xong.

Muốn chuộc tội cho cha, Kiều phải bán mình vào đám lầu xanh, thật đáng ái ngại thay cho người hồng nhan bạc mệnh.

Hai câu 7, 8, tác giả cốt mượn việc nàng Kiều để mỉa mai những huan tham, lại những, từ xưa đã có, chẳng những bây giờ



Giả cách điếc

CA TRÙ

Trong thiên-hạ có một người giả điếc.

Thấy ngơ ngơ, ngác ngác, ngơ là ngây !

Chẳng ai ngờ : sáng tai họ điếc tai cây,

Mở lối điếc đề sau này em mnốn học.

Tọa trung đàm tiếu, nhân như mộc.

Giạ bán phan viên nhĩ tự hầu,

Khi vườn sau, khi sân trước, khi điếu thuốc, khi miếng
trầu ; Khi trà chuyên dăm bầy chén, khi kiêu lầy một vài câu,
Tĩnh một lúc lâu lâu rồi lại điếc ; điếc như thế ại không
muốn điếc ; điếc như anh rẽ bắt chước ru mà ?

Hỏi anh anh cứ ập à !

CHÚ THÍCH : Sáng tai họ điếc tai cây, nghĩa là khi người ta bảo con trâu đứng lại; thì nó nghe thấy ngay, mà đứng lại ; khi người ta đục nó cây đi, thì nó làm lơ như điếc không nghe thấy, nghĩa bóng là lấy việc trâu mà nói người lười.

Tọa trung đàm tiếu, nhân như mộc. Giạ bán phan viên, nhĩ tự hầu nghĩa là : Trong khi cười nói, thì người trơ như cây gỗ. mà khi đêm vắng thì trèo leo nhanh như con khỉ.

Bài này nói về một người thường thấy việc gì khó khăn, thì giả cách điếc, không nghe thấy gì. Điếc như thế kể cũng là khôn thực, rẽ ại đã bắt chước được.

Lúc nào cũng cứ ập à, ập ừ, cho người tưởng lầm là điếc.

Chúc thọ bà Hoàng - Giáp Tam - Đăng

(NGHĨ HỘ)

- 1) Một mừng non nước vùng ta,
Núi Gôi trăm trượng, bề Nha nghìn tầm.
Mấy khi giăng tổ mây trăm.
Trăm năm để một tiếng, cầm sông Thương.
Chữ rằng thọ khảo vô cương !
- 2) Hai mừng gặp buổi nhiều lo.
Nhiều lo, giới lại thêm cho tuổi giờ.
Giới cho nhưng cũng tại người,
Phấn son tạc để muôn đời chẳng quên.
Chữ rằng vĩnh thi phất viên !
- 3) Ba mừng tiệc thọ ngày xuân.
Áo ban vẽ lạn, chén thuần hương bay !
Đào tiên trong mấy từng mây.
Vén tay lên bể thứ này là ba.
Chữ rằng tích thiện chi gia !

CHỮ THÍCH : Xã Tam-Đăng thuộc phủ Nghĩa Hưng tỉnh Nam-Định. Gần đó có núi Gôi thuộc Hạt Nghĩa-Hưng trước có cửa bể Nha - Hải.

NHIỀU LO : ở câu ưu cẩu giả thọ — Nghĩa là càng phải lo lại càng thọ-
VĨNH THI PHẤT VIÊN : chữ trong kinh thi nghĩa là phước mãi không quên

ÁO BAN : Ông Lão-Lai-Tử mặc áo sắc sỡ múa trước sân để vui lòng
cha mẹ.

CHÉN THUẦN ; Rượu Nho.

ĐÀO TIÊN — Tức là quả bàn đào — Áo vào sống lâu, nên thường nói
« Vương Mẫu bàn đào ».

BỂ ĐÀO BA LẦN : ở điền Đông Phương Sóc. Ba lần bể trộm đào của
Tây-Vương-Mẫu:

Ý nói lần chúc thọ này nữa, là nhà Cụ Hoàng Giáp đã làm tiệc thọ ba
lần rồi.



Vấn thơ mới
Các thể văn
Thất ngôn Đường luật

CỦA ĐẠM-NGUYỄN

Dự cuộc thi thơ, được trúng tuyển nhất,
nhưng phát giải nhì nên có bài này :

I

Người rằng : cuồng chữ ; kẻ rằng say :
Thi cử ; coi chừng có rủi may :
Đã nhất, thôi mà không phải nhất ;
Rằng hay, xong cũng chưa là hay !
Mệnh mông bề học đầu bờ bến ;
Bát-ngát rừng nho, lẫn cỏ, cây.
Khách muốn chơi thơ, thơ chưa sỏi,
Hỏi rằng, ta biết nói sao đây !

II

Tặng bà Chủ-Quán Trà, Thơ, trong Chợ-Phiên

Trước quán trà, thơ, khách rạo qua,
Thăng-Long văn vật, vẫn còn a !
Ngâm câu bạch thủ, hồn lai láng ;
Gạn chén hồng mai, vẻ thướt tha.
Thơ viết chẳng hay, hay khách viết ;
Trà pha không được, được người pha,
Trà, thơ, kén được ai là khách,
Khách biết trà, thơ, được mấy choa.

CHÚ THÍCH : Bạch thủ ở câu : Bạch thủ phân như thành đề sự ; ý nói đến già mà cũng chưa làm được việc gì. Mấy choa, ý nói mấy người.

III

Tàn cư qua Thành nhà Mạc, cảm hoài

Giang sơn riêng một giải sông Từa,
Mạc chúa còn lưu tiếng đến giờ.
Vết hồ, chân hươu, thành quách cũ,
Luống khoai, vườn mía, diện đài xưa
Đất, sương reo xuống, cây như nhuộm,
Trời, khói dùn lên, núi muốn mưa,
Biết hỏi thăm ai câu chuyện cũ ?
Người cày đâu đã thả trâu trưa ?

LƯỢC DẪN : Thấy sự tàn phá, chạnh mối cảm hoài. Nơi thành quách cũ chỉ thấy vết hồ, chân hươu ; chốn điện đài xưa, nay thành luống khoai, vườn mía.

IV

Mừng ông Tướng võ

(Xuất thân ở cửa Tướng vãn)

Anh tài ưu tú của non sông,
Cửa tướng sinh ra tướng có giòng.
Thao lược vang lừng trên đất Việt,
Ấn uy tràn khắp dưới trời đông.
Viên-môn trưởng rủ, vắn in hồ ?
Mạc-phủ gương lồng, bóng rợp thung.
Anh dũng nêu cao tài thủ lĩnh,
Một nhà con hiếu lại tôi trung.

CHÚ THÍCH : Hai câu 5,6 nghĩa là : Cửa ông Tướng vãn có ông Tướng võ. Trong dinh ông Tướng võ có cây thông to rủ bóng rợp. ý nói con thân phụ (vì thung là nói về cha)

V

Tản cư miền Đông-Hải

Loanh quanh chỉ những lợi cùng trào,
Vừa mới sang khe, lại vượt đèo.
Đất thăm, ngày không tin tức nhận,
Vườn hoang, đêm có vết chân beo.
Đồng khô giáp giới, dân canh ngắt;
Ngõ hẹp xuyên sơn, khách vắng teo,
Đứng lại đầu non trông bể lục;
Thuyền ai một lá, thẳng tay chèo!

VI

Quy điền mạn hưng

THƠ CHỮ HÁN

Kinh thu hồ hải ức điền viên,
Phong cảnh tiêu sơ khởi phục tiền.
Vãng sự yên hoa, hồn tự mộng;
Bán sinh bình ngạnh, hoặc ngô duyên.
Nguyệt minh ứng giác châu hàm lệ;
Nhật hoãn phương tri, ngọc hữu yên?
Hận bất đắc quy, quy riệc hận,
Hư kinh tước nguyệt, độc thành miên.

ĐẠM-NGUYỄN

DIỄN QUỐC-ÂM

(Tản cư về thăm quê, ngẫu hứng.)
Giang hồ lâu, cũng nhớ quê nhà,
Phong cảnh vườn nhà, đã khác xa.
Những sự yên hoa là mộng cả;
Chiếc thân bình ngạnh hoặc duyên ta;
Châu phơi bóng nguyệt, càng lai láng;
Ngọc giải hơi dương, mới sáng lòà,
Bực cũng muốn về, về cũng bực;
Ngủ đi lại sợ tháng ngày qua.

XUÂN-NHAM

VII

LỤC BÁT

(Qua sông Bờ)

Ai đưa ta đến sông Bờ,
Non thăm thăm đứng, nước lơ dờ trôi.
Đoái nhìn sông Vị non Côi.
Ầm ầm sấm động; bên đồi xa xa.
Xá gì rừng ải bao la,
Thanh gươm, yên ngựa, xông pha chiến trường.
Nước nhà gặp buổi phong sương.
Tang bồng nặng gánh, tảo khang nhẹ tỉnh.

.
.

VIII

SONG THẤT LỤC BÁT

(Từ Hòa - Bình về Sơn - Tây)

Đầu non chân sông quản chi.
Ba-Vành năm trước, Ba-Vì năm sau.
Nợ cung kiếm, hay đâu bờ bến,
Gánh cầm thư, quẩy đến sơn-khê.
Nước non nặng một lời thề,
Chiều thu ác lặn, đêm hè cuộc kêu.
Trách con tạo cột treu chi mấy,
Đề bao người vương lấy lằm than.
Giang san này hỡi giang san,
Mịt mù cát bụi, hoang tàn đất đai.

.
.

DẠM NGUYỄN

CHÚ THÍCH : Sông Bờ thuộc Hòa-Bình.

Sông Vị non Côi : Nam-Định. Núi Ba-Vành ở Hòa-Bình, Núi Ba-Vì ở Sơn-Tây.

IX

TỨ-TUYỆT LIÊN-HOÀN

*Bài này viết trong khi dự cuộc trao đổi
Tù-bình ở bến Tế-Tiêu (Thu Quý-Ty)*

CỦA ĐẠM-NGUYỄN

« LỜI NGƯỜI TÙ BINH ĐƯỢC PHÓNG THÍCH »

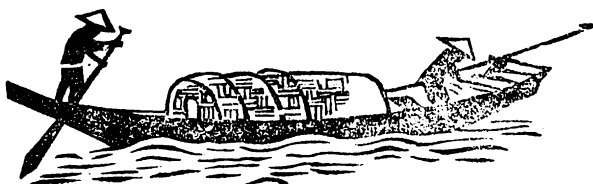
Cỏ rậm, rào thưa, bóng sế chiều,
Non sông như nhuộm vẻ tiêu điều.
Con thuyền tể độ đâu chẳng tá
Đề khách chờ qua bến Tế-Tiêu !

Đề khách chờ qua bến Tế-Tiêu,
Gió vàng hiu hắt, giả nhường thiêu !
Thà rằng kín cổng, cao tường mãi;
Nào thấy đầy vơi, ngọn nước triều ?

Nào thấy đầy vơi ngọn nước triều ?
Hương thôn tro-trọi, quán đình xiêu.
Tiếc công, lợi sống, qua đèo nhĩ ?
Con tạo cơ cầu khéo cợt trêu !

Con tạo cơ cầu khéo cợt trêu !
Bức tranh vãn cầu vẽ nên điều !
Mau về nhản uủ đồng-tâm vậy,
Ăn đã nhường bao, lụy bấy nhiêu.

Ăn đã nhường bao, lụy bấy nhiêu,
Ơn lòng sẵn sóc với thân yêu.
Mấy lời gửi lại chào ai đó,
Thông thả rồi đây, gặp gỡ nhiều.



Y-học thường-thức

(tiếp theo tập I)

I. — Bệnh dịch-hạch và cách đề dờm dãi và bụi bặm có vi trùng vào mũi chúng.

Bệnh dịch-hạch là một bệnh truyền-nhiễm, (hay lây) rất đáng sợ. Bệnh này thỉnh thoảng vẫn thấy hoành-hành ở nước ta, nước Ấn-Độ, tỉnh Vạn-Nam và miền Trung - Á.

Nguyên nhân bệnh này do vi-trùng dịch-hạch gây ra, Người ta còn gọi là vi-trùng YERSIN, vì chính nhà Bác-Học Yersin đã tìm ra vi-trùng ấy năm 1894.

Đó là một trực trùng, ngắn, hai đầu tròn, sống hàng mấy tuần lễ trong dờm khô, trong xác chết hay trên đất. Chết sát trùng: ánh mặt trời và hơi nóng 100 độ, đều có thể giết chết một cách dễ dàng. Bệnh có thể lây bằng bộ máy hô-hấp, hay bộ máy tiêu-hóa. Các giọt nước miếng và dờm dãi do người bệnh rải rác ra rất nguy-hiêm. Những giọt nước ấy vào mồm, mũi ta, hay vì ta hít không khí bụi bặm mà vi trùng vào được trong cơ thể. Trong phòng thí-nghiệm người ta có thể làm cho giống vật mắc bệnh bằng

Nhưng cách lây bệnh thông thường nhất là ở trên da do những chỗ chích của loài bọ, thường sống trên thân thể thú vật.

Những con bọ ấy hút máu của người hay thú vật bị bệnh rồi chích một người lành và truyền vi trùng sang. Trong ruột của loài bọ, vi trùng sống mấy ngày.

Người ta đã tìm thấy vi-trùng rất nhiều ở trên đất trong nhà có người bệnh. Trong các giống vật, có loài hay gặm, nhất là chuột, rất dễ mắc bệnh.

Người ta đã thấy rằng các trận dịch hạch to đều phát ra sau khi có một số lớn chuột chết.

Lúc chuột hay người bệnh chết, những con bọ sẽ dời xác chết mà đi. Vì thế các xác chết rất nguy hiểm. Chúng có thể sống ngoài thân thể thú vật hay người ở trong các xó nhà, trong rác bần, trong bụi bặm..

Trong loài chuột cũng có con không mắc bệnh mà vẫn có vị-trùng, vậy nên đề ý.

Không phải chuột nào cũng nguy hiểm bằng nhau. Chuột đen sống ở trên mái nhà, trong vựa thóc, nghĩa những chỗ khô ráo, là nguy hiểm nhất vì giống bọ của chúng bay chích người.

Con chuột màu nhạt hơn, chuột cống và chuột đồng ở những chỗ ẩm thấp, ít nguy hiểm hơn.

Phương pháp đề phòng bệnh dịch hạch

Vi trùng dịch hạch truyền đi nhờ giống chuột, cho nên muốn đề phòng bệnh ấy ngoài, những phương pháp áp dụng cho người ốm, cần nhất phải diệt trừ giống chuột.

Phương-pháp áp dụng cho người ốm — Người ốm và các người nghi là mắc bệnh đều bắt buộc phải đề riêng, trước khi đó, phải bắt sạch tất cả các con bọ trên người, công việc ấy rất nguy hiểm cần phải làm, xa tất cả mọi người, xa cả buồng bệnh, Áo quần sau khi được tẩy sạch tất cả bọ sẽ được giặt dĩa và tẩy trùng cẩn thận.

Nếu bệnh dịch hạch phổi, mỗi bệnh nhân phải được nằm riêng một buồng kín Y-tá hay những người gần gũi bệnh nhân phải có vải che mồm, mũi và lễ dĩ nhiên phải khoác áo ngoài.

Bắt buộc phải tẩy uế, trong lúc đang bệnh, phải cần tẩy-uế các bông băng nếu là dịch hạch xoài, tẩy uế đờm rãi nếu là dịch hạch phổi và dịch hạch máu.

Bệnh dịch hạch là một bệnh bắt buộc phải khai. (Theo luật lệ vệ sinh quốc tế)

II.—Phương pháp diệt trừ chuột

Muốn trừ chuột người ta có nhiều cách.

1) Người ta dùng bẫy chuột. Nhưng cách ấy chỉ trừ được một số ít thôi. Vả lại giống chuột rất đa nghi, cần phải dùng cho chúng nghĩ thấy hơi người. Như thế phải đốt qua cái bẫy, hoặc dùng tất tay bằng cao-xu, hoặc trộn lẫn vào mỗi một ít dầu thơm. Nên chọn những thứ mỗi sau này ; cà chua, mỡ, thịt sống, vụn vụn...

2) Người ta có thể dùng thú vật để trừ chuột : thường thường người ta dùng mèo, một đôi khi có thể dùng chó.

Cần phải có Giống khỏe mạnh. Nhưng cũng nên nhớ rằng mèo có thể bị lây bệnh và truyền sang người.

3) Người ta còn dùng chất hóa học để trừ chuột. Các chất ấy rất nhiều nhưng nguy-hiêm cho người và các thú vật khác nuôi trong nhà. Cần thận nhất là vì trẻ con không biết, có thể ăn phải, và trúng độc.

Người ta hay dùng chất Scille, hay một chất lấy ở dấy ra gọi Scillettine trộn lẫn với dầu hay mỡ.

Có thể dùng chất Plâtre trộn lẫn với bột và đường, để trong hộp đồ hộp, bên cạnh để một chậu nước. Chuột ăn vào phải uống nước, càng uống chất ấy càng chướng lên và làm cho chuột chết.

4) Người ta cũng dùng vi-trùng để giết chuột. Thường người ta dùng vi-trùng thương hàn para B. Lẽ dĩ nhiên là chỉ dùng loại không sinh bệnh cho người. Trái lại sẽ gây cho chuột những trận dịch dữ-dội và giết chúng rất nhiều. Nhưng, phải biết rằng

con chuột nào bị bệnh mà thoát chết, sẽ được miễn dịch. Vì thế nên không nên dùng cách này hai lần gần nhau quá.

5) Người ta còn dùng cả hơi độc để giết chuột. Người ta dùng chất Anhydride Sulfureux rất tiện và giết được cả sâu, bọ ruồi muỗi. v. v...

Nhưng có hại như sau : hơi ấy gặp phải không khí và nước sẽ biến thành nhiều chất hóa-học khác mà cuối cùng là chất acide sulférique, rất nguy-hiêm.

III. — Con bọ làm lây bệnh bằng cách nào ?

Một con bọ trong cơ thể có máu người ốm đầy vi-trùng, đến chích một người lành hút máu người ấy, và trở một ít máu cũ đầy vi-trùng. Vi-trùng ấy sẽ do chỗ chích mà vào cơ thể người ta. Đó là một cách làm lây bệnh.

Cách thứ hai là do phân của chúng đầy vi-trùng. Phân ấy sẽ vấy lên các nốt gãi vì ngứa do bọ cắn.

Giải-đáp pháp-luật

Bản-Bảo mở ra mục này, để giúp ích cho các bạn có việc về án tù, và để giải đáp những sự thắc mắc, những điều nghi vấn về Pháp-Luật của các bạn xa gần gửi tới. Tiếc vì trang báo có hạn, nên xin lần lượt trả lời, mong các bạn lượng cho.

1o) *Hỏi.*— Trước đây 5 năm tôi lấy Thị-Mỗ làm vợ chính thê, có giấy giá-thú, do hộ lại làng vợ cấp phát. Sau vì duyên phận không hợp, vợ tôi có làm giấy xin về, mặc tôi lấy ai tùy ý. Nay tôi phải lấy người khác, trông nom công việc gia-đình. Cha mẹ đôi bên đều thoả thuận. vậy xin hỏi :

1o) Căn cứ vào giấy của vợ tôi đã viết cho tôi, tôi lấy người khác làm vợ cả có được không ?

2o) Nếu không được, thì phải làm thế nào, mong Quý-Báo chỉ dẫn giùm cho.

1o) *Đáp.*— Ông không thể căn cứ vào bức thư của vợ trước mà lấy người khác làm vợ cả được.

2o) Theo pháp-luật, thì người nào đã có vợ cả chưa tiêu hôn

mà lấy người vợ cả nữa là phạm vào tội Song hôn, (Bigamie) Ông phải làm đơn kê rõ sự tình, và đính theo cả giấy của vợ ông đã viết, đệ ra Tòa-Án tỉnh ông xin tiêu hôn, tức là xin li-dị người vợ trước. Khi Tòa-Án đã cho phép tiêu hôn, ông mới có thể lấy người khác, làm vợ cả được.

II) *Hỏi.*— Gia-đình kia có 3 trai, một gái, đã trưởng thành cả, và có một khu nhà, đất là của chung; (Tổ phụ liú lại chưa chia) Nay người gia-trưởng và người thứ hai viết bán đứt cho tôi khu nhà đất đó, và đem văn-tự về quê lấy chữ ký của người thứ ba và người con gái, Vì ốm, hai người này không đến ký văn-tự ở nhà tôi được. Khi lấy chữ ký xong, họ lấy cả chữ thị - thực của chức dịch làng đó, rồi đem văn-tự giao cho tôi, để lấy tiền. Văn-tự đó, tôi đem trước bạ. Nay tôi cho người thay mặt, về nhận đất, thì người thứ 3 và thứ 4 ra cản trở, nói không hề ký bán cho tôi. Muốn tránh sự thừa kiện, phiền phức, tôi lại phải đưa thêm tiền cho hai người này,

và cả bốn người, đều ký nhận trước mặt tôi. Văn-tự cũng làm hợp pháp, và trước bạ. Nay họ lại còn muốn sinh chnyện, không chịu giao khu nhà đất đó cho tôi, Vậy xin hỏi :

1o) Tôi phải khiếu nại ở đâu? Tỉnh Gia-Lâm chưa có Tòa-Án Nhi-cấp.

2o) Tôi đệ đơn khởi tố, căn cứ vào bức văn-tự trước, hay bức văn-tự sau ? và kiện về việc hình hay việc hộ ?

Đáp . 1o) Tỉnh ông chưa có Tòa-Án, Gia - Lâm thuộc về Tòa-Án Hoa-Giải rộng quyền Hải-Dương. Ông đệ đơn khởi tố ở đó.

2o) Ông nên xuất trình cả hai bức văn-tự, cứ khai đúng sự thực. Ông kiện người gia-trưởng và người thứ hai, đã dụng tình lừa đảo, biến tạo chữ ký hai người kia, theo bức văn-tự trước, và thỉnh cầu Tòa-Án đòi cả bốn người đã ký bức văn-tự sau, xét xử bắt họ giả khu nhà đất đó cho ông.

III. *Hỏi.* — Trong khi tản cư Hậu-phương. tôi có lấy một người quê ở làng.... phủ Thái-Ninh, tỉnh Thái-Bình, làm vợ cả, có lân bang, thân thuộc nhà

gái chứng kiến, có làm lễ cưới và vào sổ giá-thú tại làng đó.

Khi chiến sự lan rộng, vợ chồng chúng tôi phải tản-cư sang làng khác, rồi hồi cư Hà-nội. Tôi đã nhận lệnh động-viên, và hiện giúp việc tại Đệ-Tam quân-khu.

Vì chiến tranh, không thể về làng lấy trích lục giá-thú được. Vậy tôi phải xin ở đâu bản giá-thú, để nộp tại phòng làm sổ lương, nơi tôi làm việc, và phải làm giấy má thế nào, mong Quý-Báo chỉ bảo giùm.

Đáp — Nếu vì chiến sự không tiện cho sự đi lại. Ông không thể về tận nơi đã làm giá-thú xin trích-lục được, ông có thể làm đơn ra Toà-Án Sơ-Thẩm Hà-nội, kể rõ sự tình, khai đúng tên tuổi người chồng, tên tuổi người vợ ; Ngày cưới và nơi cưới, viện ba người làm chứng kèm thêm giấy nhận thực của Khu-trưởng khu phố mà vợ chồng ông hiện ngụ, (Đơn và giấy thi-thực, làm theo mẫu sau đây) rồi đệ ra Toà-Án Sơ-Thẩm Hà-nội, xin bản chứng chỉ.

Toà-Án sẽ xét, và cấp cho ông bản chứng chỉ thay giấy giá-thú, để ông tùy nghi tiện dụng.

(Gián tem 3 đồng)

ĐƠN XIN CHỨNG-CHỈ THAY GIẤY GIÁ-THỦ

Hà-nội, ngày . . . tháng . . . năm . . .

Kính gửi ông Chánh-Án, tòa án Sơ-Thẩm Hà-nội

Thưa ông,

Tên tôi là tuổi, nghề-nghiep
., Thẻ Căn-Cước số Cấp tại . . .
ngày
và vợ là tuổi, nghề-nghiep, thẻ
căn-cước số cấp tại ngày
chỗ ở

Kính xin ông cấp cho một bản chứng chỉ thay giấy
giá thú của vợ chồng tôi, khi trước đã vào sổ Hộ-Tịch
tại nhưng vì chiến-tranh, sổ-sách bị
thất-lạc, tôi không thể lấy trích-lục được.

TÀI LIỆU

Tên chồng tuổi, nghề-nghiep Con ông
. tuổi, nghề-nghiep ở

(Còn sống hay chết)

Tên vợ là tuổi, nghề-nghiep
Con ông tuổi,, nghề-nghiep ở
Và bà tuổi,, nghề-nghiep ở

(Còn sống hay chết)

Cưới ngày tại làng Tỉnh

(Vợ cả hay vợ lẽ)

Những Người Chứng

- 1/- Tên tuổi, nghề - nghiệp
Căn cước số ở
- 2/- Tên tuổi, nghề-nghiep
Căn cước số ở
- 3/- Tên tuổi,, nghề-nghiep
Căn cước số ở

Kính đơn

CHÚ Ý. — Phai dính theo giấy Khử-Trưởng nhận thực
(theo mẫu sau đây)

MẪU GIẤY NHẬN THỰC

do Khu-Trưởng cấp. (đính vào đơn xin chứng-chỉ giá-thứ)

Giấy chứng-nhận

Tôi là Khu-trưởng Khu. Hanội,
nhận-thực rằng trong sổ gia-đình ông Thẻ căn-cước
số. cấp tại. ngày.

Có kê tên bà là vợ của ông.
. Căn-cước số. Cấp tại.
ngày. Đã khai vào sổ gia-đình Khu tôi từ ngày
. và hiện nay còn ở tại số nhà Phố.
thuộc Khu tôi.

Hà-nội ngày tháng năm

Khu-Trưởng



(Đơn xin Bản-Án khai Giá-Thứ đã
đề quá hạn chưa khai với Hộ-Lai)

Hanội ngày. tháng năm

Kính gửi ông Chánh-Án toà Án Sơ-Thẩm Hà-nội

Thưa ông,

Tên tôi là. tuổi. nghề-nghiệp.
thẻ căn cước số. cấp tại. ngày.
và vợ là. tuổi , nghề-nghiệp.
thẻ căn cước số. cấp tại. ngày

Kính xin ông cấp cho bản-án cho phép khai giá-thứ quá
hạn cho. vì đã đề quá hạn chưa khai.

Tên chồng. tuổi, (sinh năm).

Tại. , biện ngu tại.

Con ông. tuổi , nghề-nghiệp. thẻ căn-
cước số. cấp tại. ngày. hiện ngu
tại. (chỗ ở của bố mẹ.)

Tên vợ. (cũng như trên)

Cưới ngày. tại. Làm vợ cả, vợ kế hay vợ
thứ

Chúng tôi xin nại ba người làm chứng :

1/- Tên, . . . tuổi, . . . nghề-nghiệp. Hiện
ngụ tại. số thẻ căn-cước. cấp tại.
2/- (như trên)
3/- (như trên)

Kính xin
Ký tên

CƯỚC-CHÚ : — 1/ Nếu bố mẹ đã chết phải xuất-trình giấy khai tử, nếu bố mẹ hai bên đều chết cả, đương sự phải khai tên hai đại-biểu hai họ đã chứng-kiến hôn lễ, đến khai thay cho bố mẹ chết

II/- Nếu vợ hay chồng trước đã có giá-thú với người khác đã chết hoặc ly-dị, thì đương sự phải xuất-trình giấy khai-tử hoặc ly-dị.

III/- Nếu làm giá-thú vợ thứ, thì phải có vợ cả đến khai thuận-tình. Các nhân-chứng phải từ 21 tuổi trở lên.

Hỏi : Tôi là Hoa-Kiều hiện ngụ tại Hà-nội, trước đây ba tháng, có giao cho một người hạn đồng hương, một số tiền là 20.000 đg để về Hồng -Kong mua giúp tôi những đồ vật cần dùng. Người này có làm giấy nhận tiền và cam đoan rằng trong hai tháng sẽ giao đủ thứ hàng cho tôi đã kê trong giấy. Nay họ về Hồng-Kong đã sang, mà không y ước giao những thứ đó cho tôi, và đã hơn tháng nay, cũng không trả lại tiền. Nhiều lần, tôi hỏi chỉ khất lần. Vậy xin hỏi:

1o) Tôi phải khởi tố tại Tòa-Án nào có thẩm-quyền?

2o) Đơn viết bằng tiếng Việt-Nam hay tiếng Pháp? Nếu làm chữ Pháp, thì làm như thế nào? Mong Quý-Báo chỉ bảo giùm cho.

Đáp : 1o) Ông là Ngoại-kiều, quốc tịch Trung-Hoa, lẽ tất nhiên, ông phải đệ đơn khởi tố tại Tòa-Án Sơ-Thẩm hỗn-hợp (Tribunal mixte) là Tòa-Án có thẩm quyền.

2o) Đơn đệ ra Tòa-Án hôn-hợp, ông nên làm bằng chữ Pháp thì hơn, cần nhất là phải dính theo tờ giấy biên nhận tiền của người bán ông.

Đơn làm theo mẫu sau đây : (Ông chưa thêm ngày tháng, tên, chỗ ở của ông, cùng tên và chỗ ở của bạn ông vào.)

Hanoi, le
A Monsieur le Procureur de la République
Près le Tribunal de 1ère instance à
Hanoi

Monsieur le Procureur de la République.

Je, soussigné domicilié.
. ai l'honneur de déposer entre vos mains, contre
le sieur domicilié.
une plainte en abus de confiance, relative aux faits suivants:
Le, j'ai remis au sieur.
une somme de . . . avec mandat d'acheter des marchandises.
La mission confiée au sieur ainsi que la remise
de la somme indiquée se trouvent établies par un reçu rédigé
et signé par le dit sieur que je tiens à votre disposition.

Or, depuis cette date et malgré mes nombreuses démarches amiables, il m'a été impossible d'obtenir, du dit sieur, une justification quelconque de l'emploi de la somme que je lui ai confiée.

Dans ces conditions, j'ai l'honneur de vous prier, Monsieur le Procureur de la République; de bien vouloir donner à la présente plainte la suite qu'elle comporte.

Veuillez agréer, Monsieur le Procureur, l'assurance de mes sentiments les plus respectueux et reconnaissants.

Signature :

CUỐN SÁCH NỀN ĐỌC :

Muốn luyện tập tiếng pháp, nên đọc cuốn « MẸO PHÁP-VĂN » bỏ túi dễ hiểu, dễ nhớ, dễ dùng chữ, đặt câu đỡ lỗi, do Đạm-Nguyên Thư-cục xuất bản. Dưới đây là lời giới-thiệu của : Báo T.S. ngày 6-11-1953

Ông Đạm-Nguyên, một nhà văn rất quen biết, đã từng xuất bản nhiều cuốn sách có ích, như cuốn ; Danh-từ thường-thức, Thi-ca với chiến tranh, Một con đường v. v. trong có nhiều bài văn thơ đã trúng giải thưởng của các cơ-quan chính-quyền. Xin giới thiệu cùng các anh em học-sinh cuốn : MẸO PHÁP, VĂN, bỏ túi. 82 trang, giá 10 đồng.



GIỮ SỔ KẾ-TOÁN, KHAI THUẾ LỢI TỨC

Theo luật lệ mới ban hành, các nhà thương mại kỹ-nghệ đều phải làm sổ kế-toán, và khai thuế lợi tức.

Bản sổ được phép mở ra, do những nhà kế-toán chuyên môn, lành nghề, cẩn thận, có đủ tin nhiệm, nhận làm sổ sách kế-toán, khai thuế lợi tức giúp các nhà thương-mại kỹ-nghệ.

Bản sổ đảm nhận các việc sau.

Kế-toán hợp pháp (Comptabilité légale) Bilan kế-toán (Déclarations fiscales) Khai thuế lợi tức (Contrôles comptables périodiques) kiểm soát sổ sách từng thời hạn. Expertises (Giám định)

Văn phòng kế toán
Giám-Định-Viên Vũ-Đình-Giang

27 Phố Gia-Lô-g, Hà-nội
33 Avenue Belgique, Haiphong

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Bản báo vừa tiếp được cuốn **TÂM-NGUYỄN THI VĂN TẬP**, tập I, do ông **ĐAM-NGUYỄN** (Nguyên Thanh-Đàm) ở làng Yên-Đồ gửi tặng. Cuốn này sách do những cây bút điêu luyện của các vị khoa mục, Tân cựu học điều khiển. Trong có những trang văn-nghệ, khoa học, Y-học, Sử-ký, Chính trị, Âm-nhạc, Danh-từ-thực dụng; Danh từ Tư pháp, Quân-sự Pháp-Luật dân giải, Phụ-trương Pháp-văn. Một cuốn sách có ích cho hết thầy mọi người.

Ông **ĐAM-NGUYỄN** một cây bút rất quen biết trong làng văn, các báo đã nói tới ông nhiều lần. Xuất thân ở nơi khoa bảng, ông đã chuyên chú về nghề viết sách, báo từ lâu, và đã trước thuật được nhiều sách có ích như cuốn danh từ thực dụng, Mẹo pháp văn, Thi ca với chiến tranh, Một con đường v.v... Các nhà cầm quyền đã từng tán thưởng.

Mới đây, trong các cuộc thi thơ văn, do các Cơ-quan chính quyền tổ chức cuộc thi xà-luân của Toà Thị-Chính Hà-nội; Cuộc thi khánh thành Cầu Thê-Húc; cuộc bình văn giỗ trận-Đồng-Đa; Cuộc thi khánh thành Hội quán Trí Thê-Dục Tỉnh Thái-Bình v.v... Ông đều trúng giải thưởng (Số tiền thưởng ông đều ủng hộ hết vào các quỹ từ-thiện. Các báo đã nhiều lần ngợi khen.

Cuốn **TÂM NGUYỄN THI VĂN TẬP**, tập I, dày 120 trang có 14X26, bìa in 3 màu, có tranh ảnh, có đủ các thể văn thơ ngoài các yếu mục khác. Bản báo vui lòng giới thiệu cùng các bạn Độc giả một cuốn sách có ích

Có bán tại các hiệu sách lớn, giá mỗi cuốn 20 đồng

(Trích báo L.H. số 1062 ngày 29 4-1954)

Radio Bích Kỳ

274 Duy - Tân Hà-nội

Ai qua phố Huế Duy-Tân ?

Nhớ hiệu Bích - kỳ, vào thăm cửa hàng.

Thu thanh tiếng nói rõ ràng.

Đã lành nghề chữa, lại đường bán mua

Radio Bích-Kỳ 274 Duy-Tân.



việt-Hưng

Chuyên môn Hiếu, Hỷ, Đối Chương

BÁN BUÔN VÀ BÁN LẺ

Hàng Thêu và Dán. Vẽ và May Áo tể. Mũ, Cờ v.v.

22 Hàng Hòm Hà-nội



Thi văn mới

Các bạn Tân-Học nên đọc cuốn « Một con đường » cũng như các vị nho học nên xem cuốn « Thi ea với chiến tranh » do Đạm-Nguyên Tu Thư cục xuất bản có bán tại các hiệu sách lớn và 13 Duy-Tân Hà-nội : Trong những tập đó, có nhiều văn thơ đã trúng giải thưởng do các Cơ Quan Chính Quyền tổ chức.



Amis lecteurs

Lisez et Faites lire

Abonnez à la Revue encyclopédique Tầm-Nguyên : ou faites-y une publicité. La Revue Tầm-Nguyên contient des pages littéraires, scientifiques historiques, médicales et politiques, des notes explicatives sur les termes sino-vietnamien, et un supplément en français.

Siège de la Rédaction : 13 Rue Duy-Tân Hanoi.

But de la revue Tầm-Nguyên

La Revue Tầm-Nguyên vise deux buts : La diffusion de la pensée orientale et occidentale et le développement culturel. La Revue publiera des articles sur les opinions littéraires, et politiques.

Dans les 1er et 2ème numéro, vous lirez :

Poésie et Portrait du Poète	
Nguyễn-Khuyến (1er lauréat du	
Concours Doctorat	Par Vy-Kiên
Vœux de bonne année . . .	Par Nguyễn văn-Bình,
Le retour du printemps. . .	Par Đạm-Nguyên
Critique littéraire : M. Hoàng xuân-	
Hãn. Agrégé et la traduction de	
« Chieh-Phụ-Ngâm »,	Par Biệt-Lam
Théorie des Atomes	Par Mạnh Hà Licencié en Mathéma-
	tique
Vie littéraire de Cao Bá Quát. .	Vĩ Kiền
Le poète et son devoir envers la	Mạnh Hà professeur licencié en Ma-
patrie.	thématique
Napoléon et les savants de Milan	Traduction de Đạm-Nguyên
Réponse de la veuve. . . .	Traduction de Me Giáo-Minh
Les Thổ au Viêt-nam Norid. . .	Biệt-Lam
Leurs mœurs et coutumes. . .	
Pensées d'orient et d'occident .	Par Ngô-Lập-Chi, licencié
Contes fabuleux (traduction). .	Par Vũ-huy-Chiêu, Bachelier
Histoire mondiale de l'U.R.S.S	Par Nam-Trung-Tử

Conseils hygiéniques et des désinfections : notions élémentaires de droit Explications des Termes Sino-Viêt-namiens. Supplément en français etc....sortis des plumes expérimentées.

La Rédaction se réserve le droit de n'insérer que des articles susceptibles d'être publiés

Les abonnés mensuels ou annonceurs de la Revue Tầm-Nguyên sont priés de s'adresser à la Direction de la Revue, n°13, Rue Duy-Tân Hà Nội

La Direction

Bức thư ngỏ,

Cùng các bạn Học-Sinh thân mến

I. — Phải chăng là một sự tình-cờ. — Trong lúc mọi người đang mải mê với công việc, tuy rằng nền tảng văn-hóa đã được bao nhiêu bàn tay săn sóc, đến. tuy các trường công, cũng như tư đã mở rất nhiều, nhưng vẫn không sao đủ nhu-cầu cho những người hiếu học.

Đã bao lần sự mong mỏi của chúng tôi là sao cho một cuốn sách giáo-khoa hay một tạp-chí khoa-học và văn-học đầy đủ, giản dị, dễ hiểu, để có thể tự học, may chăng giúp-đỡ các bạn phần nào trong bước chập-chững của đường học-vấn.

Sở-vọng ấy chúng tôi đã xây-dựng từ lâu, mong một ngày gần đây cử-hợp một nhóm giáo-sư kinh-nghiệm đem khả-năng của mình mà bổ-khuyết cho nhau, đem ý-kiến của mình mà phê-phán lẫn nhau, cùng nhau xây-dựng một tạp-chí khoa-học và văn học, ngõ hầu giúp các bạn học-tập, trong lúc sách giáo-khoa còn thiếu sót, và góp một viên gạch trong công-cuộc xây-dựng nền-móng của văn-học ngày mai.

Thì may thay ! trong một cuộc đàm-luận với ông Đàm-Nguyên. Giáo-sư sinh-ngữ, sáng lập tờ báo « TÂM-NGUYÊN » và ông Ngô-Lập-Chi, cử-nhân giáo-sư văn-khoa Đại-Học, chúng tôi rất sung sướng đã tìm được những người bạn chân-thành, cùng lý tưởng biết nghĩa-vụ, có công-tâm, để cùng chúng tôi cộng tác biên-soạn tờ Tâm-Nguyên đặc san nhằm mục-đích giáo-khoa và văn-ngệ

II. — Đây là vấn-đề. — Cuốn Tâm-Nguyên Khoa-học và Văn-Học Đặc-san của nhóm giáo-sư chúng tôi ra đời giữa lúc Quốc-Gia đang đòi-hỏi sự cố-gắng rất nhiều của các bạn nam-nữ học-sinh, đang tiến thân trên con đường học-tập, Nền-tảng giáo-dục. và công-cuộc kiên-thiết của tương-lai đang chờ những bàn tay của các bạn, những con người

đầy một bầu nhiệt-huyết, những con người thanh-niên chưa đầy hai chục tuổi xuân đang hăm hở trên con đường học-vấn, đề hy-vọng ngày mai cầm một bông hoa chiến-thắng nở trên đài dân-tộc.

Tuy hiểu rõ cái sứ-mạng của giáo-dục, cái nhiệm-vụ của chúng tôi, nhưng chúng tôi không dám tự tin ở mình. Vì thành hay bại là do sự giúp-đỡ của các cơ-quan chính-quyền sự cộng tác của các bạn, cộng với sự cố gắng của chúng tôi; chứ riêng mình chúng tôi đâu dám ham-vọng hoàn-thành cái sứ-mạng cao-cả ấy. Cổ nhân có câu:

Một cây làm chẳng nên non,

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

Lẽ ấy chúng tôi hy vọng rằng cuốn Tầm-Nguyên khoa-học và văn học Đặc-san ra đời sẽ được bao nhiêu bầu nhiệt-huyết tận tâm giúp-đỡ, bao nhiêu lời chỉ giáo của các bậc cao-minh, để dẫn chúng tôi đi tới đích của nó.

Với những điều nhận xét thô-thiển của chúng tôi ở trên đây, cuốn Tầm-Nguyên khoa-học và văn học ra đời gồm có hai loại, luyện thi Phổ-Thông, và Chuyên-Khoa, và chia làm ba mục :

A — KHOA HỌC.

Đại-số, Hình-học lượng giác. Vật-Lý, Hóa-Học, ôn qua phần Lý thuyết và các bài đã giải ra các kỳ thi Phổ-thông Chuyên-Khoa, do các Giáo-sư kinh-nghệm gửi đến, và qua sự lọc-chọn của ban Biên-Tập

B. — VĂN HỌC.

Luận-đề và nghị-luận có dàn bài chi tiết giảng văn về các Tác-Phẩm trong văn-học-sử, do các Giáo-Sư văn-chương gửi đến. Sinh-ngữ, dịch hay luận có dàn bài và bài mẫu

C. — VĂN NGHỆ PHỔ THÔNG.

Sưu-tầm tin-tức chính trị trong và ngoài nước, phần tìm hiểu trong khoa-học và văn-học, truyện vui giải-trí do những cây bút điêu-luyện gửi đến đã được lựa chọn.

Đây là nội dung, tôn-chỉ của Tầm-Nguyên hướng về các bạn học-sinh, những mầm măng trẻ của xã-hội ngày mai

Đầy Tâm-Nguyên, người bạn của các bạn trong canh khuya, sách đèn một nhọc

Đề kết-thúc vấn-đề, chúng tôi đánh bạo ra mắt các bạn và hy-vọng nó sẽ thành công trong sự cố-gắng của chúng tôi ; cộng với sự có mặt của các bạn và những lời chỉ-giáo của các bậc cao-minh.

Các bạn Học-Sinh ! Tâm-Nguyên sẵn-sàng đón những cây bút về Văn-Nghệ cũng như văn học và Khoa Học của các Bạn gửi đến. Dù rằng non nớt trong bước đầu. Tâm-Nguyên của nhóm Giáo Sư chúng tôi sẽ nâng đỡ các bạn và hy vọng ở sức mạnh tiến của các bạn, để cho Tâm-Nguyên bước tới đích của nó.

Thủ-Đô mùa hoa phượng nở

BỘ BIÊN-TẬP: MỘT NHÓM GIÁO-SƯ

Sáng lập : ĐẠM NGUYỄN

Chủ-bút : MẠNH-HÀ

Đính Chính

SỐ TRANG	SỐ GIỜ	CHỖ LẦM	ĐÍNH CHÍNH
4	13	Văn học	Văn học
8	2	Kiểu kiểu	Cửu cửu
12	25	ce que	ce qui
22	18	li 1er pas	le 1er par
30	26	n'arrive	Je n'arrive
35	12	vers	ver
35	24	coucher	Chercher
59	28	caernument	Casernement
67	7	am	làm
71	12	diều	diều
73	5	dĩ ứng	dĩ ứng
80	11	đầu bờ bến	sen hầu lụi
80	12	lần cỏ cây	cỏ đã đầy
80	13	sỏi	giỏi

Kiểm duyệt số 1237 ngày 3 tháng 6 năm 1954
In tại nhà in riêng của Tâm-Nguyên

KÍNH THƯA CÁC BẠN ĐỌC-GIÁ,

Vì sự cần thiết hiện thời, và theo lời đề nghị của một số đồng Phụ-huynh học-sinh, Tầm-Nguyên Tập-Chí số III, phát hành vào đầu tháng 7 Dương lịch, sẽ thay đổi nội dung, nhấn mạnh về phần Khoa-học và văn-học, với các đề-thi Trung-Học Phổ-Thông và Chuyên-Khoa, (Tủ-Tài phần I) Đại-số, Hình-học, Lượng-giác, Vật-Lý, Hóa-học, Văn-học sử, Luận đề; Nghị-Luận: Sinh-Ngữ v.v... để giúp các bạn Học-Sinh trong các kỳ thi sắp tới.

Ban Biên-Tập gồm có một nhóm Giáo-Sư Đại-Học, dày kinh-nghiệm điều khiển, và do Giáo-Sư Mạnh-Hà, Cử-Nhân Toán và Khoa-Học đứng chủ bút.

Các bạn xa gần có nhã ý tán thành mục đích trên, hoặc giúp về sự cổ động, hoặc giúp cho những văn-bài hợp với trình độ của các Học-sinh luyện thi Trung-Học và chuyên-khoa phần I. Bản-Báo hết sức hoan nghênh.

T. N. T. C.

CÁC BẠN HỌC-SINH,

TẦM-NGUYÊN KHOA-HỌC VÀ VĂN-HỌC Đặc-San là người bạn trung thành của các Bạn trong cuối kỳ-thi phổ-thông và Chuyên-khoa.

TẦM-NGUYÊN KHOA HỌC VÀ VĂN-HỌC với các mục: Đề thi Trung-Học và CHUYÊN-KHOA, Đại số, Hình-học, Lượng-giác, Vật-Lý Hóa-học, Văn-học Sử, Luận-Đề, Nghị-luận, sinh-ngữ v.v... sẽ giúp ích các bạn rất nhiều, trong cuối kỳ-thi.

Bộ biên-tập gồm có một nhóm Giáo-sư, dày kinh nghiệm và chọn lọc.

Hãy đón coi TẦM-NGUYÊN KHOA HỌC VÀ VĂN-HỌC có những bài toán giản-dị, dễ hiểu, những dân bài, luận đề tế nhị; những áng văn tuyệt tác, những lập luận vững vàng, của các Giáo-Sư kinh nghiệm.

Mỗi tháng ra một kỳ, có hai loại: Phổ Thông và Chuyên-Khoa

Sáng lập

ĐẠM-NGUYỄN

Chủ-bút: Giáo-sư Mạnh-Hà

Cử-nhân Toán và Khoa-học

TẦM NGUYÊN KHOA HỌC VĂN HỌC ĐẶC SAN

Bộ Biên-tập

13, Phố Duy-Tân — Hà-nội

